

PHỤ LỤC II
NỘI DUNG

PHƯƠNG ÁN ĐƠN GIẢN HÓA THỦ TỤC HÀNH CHÍNH
LĨNH VỰC NÔNG NGHIỆP VÀ MÔI TRƯỜNG (CẤP TỈNH)

(Kèm theo Quyết định số /QĐ-UBND ngày /5/2026 của Chủ tịch UBND thành phố Đồng Nai)

I. LĨNH VỰC THÚ Y

1. Cấp Giấy chứng nhận cơ sở an toàn dịch bệnh động vật (trừ cơ sở an toàn dịch bệnh theo yêu cầu của nước nhập khẩu). Mã TTHC 1.011475

1.1. Nội dung đơn giản hóa

- Cắt giảm thời gian từ 14 ngày xuống còn 07 ngày (giảm 07 ngày gồm 03 ngày thẩm định hồ sơ và 04 ngày kiểm tra, đánh giá thực tế); tỷ lệ cắt giảm 50%.

- Lý do: Việc rút ngắn thời gian xử lý hồ sơ để nâng cao hiệu quả quản lý nhà nước và tạo thuận lợi hơn cho người dân, doanh nghiệp; đơn giản hoá theo quy định tại theo Nghị quyết số 66/NQ-CP ngày 26/3/2025 của Chính phủ.

1.2. Kiến nghị thực thi

- Sửa đổi khoản 1, 2 Điều 14 Thông tư số 24/2022/TT-BNNPTNT, theo đó cắt giảm thời gian thẩm định hồ sơ đăng ký công nhận cơ sở an toàn dịch bệnh động vật.

- Sửa đổi khoản 1 Điều 15 Thông tư số 24/2022/TT-BNNPTNT, theo đó cắt giảm thời gian tổ chức đánh giá cơ sở đăng ký công nhận an toàn dịch bệnh động vật.

1.3. Lợi ích phương án đơn giản hóa

* Chi phí tuân thủ:

- Chi phí tuân thủ TTHC trước khi đơn giản hóa: 633.360.000 đồng/năm¹

- Chi phí tuân thủ TTHC sau khi đơn giản hóa: 316.680.000 đồng/năm.

- Chi phí tiết kiệm: 316.680.000 đồng/năm.

- Tỷ lệ cắt giảm chi phí: 50%.

* Thời gian thực hiện TTHC:

- Thời gian tuân thủ TTHC trước khi đơn giản hóa: 14 ngày.

- Thời gian tuân thủ TTHC sau khi đơn giản hóa: 07 ngày.

- Thời gian cắt giảm: 07 ngày.

¹ Ước tính thu nhập bình quân 1 người 1 ngày năm 2025 theo giá hiện hành (theo số liệu niên giám thống kê tóm tắt của Tổng cục Thống kê công bố vào ngày 30/6/2025 trên Trang thông tin điện tử: <https://www.gso.gov.vn/du-lieu-va-so-lieu-thong-ke/2025/06/nien-giam-thong-ke-2024>

¹ Thống kê số liệu tiếp nhận, giải quyết và trả kết quả thực hiện hồ sơ thủ tục hành chính năm 2026 của Sở Nông nghiệp và Môi trường.

- Tỷ lệ cắt giảm thời gian: 50%.

1.4. Lộ trình thực hiện: 2026 - 2027

2. Cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện buôn bán thuốc thú y. Mã TTHC: 1.001686

2.1. Nội dung đơn giản hóa

- Cắt giảm thời gian từ 08 ngày làm việc xuống còn 07 ngày làm việc (giảm 01 ngày kiểm tra điều kiện, đánh giá thực tế tại cơ sở); tỷ lệ cắt giảm 12,5%.

- Lý do: Tạo điều kiện thuận lợi, cắt giảm thời gian, chi phí cho tổ chức, cá nhân; đơn giản hoá theo quy định tại theo Nghị quyết số 66/NQ-CP ngày 26/3/2025 của Chính phủ.

2.2. Kiến nghị thực thi

- Sửa đổi khoản 2 Điều 24 Nghị định số 32/2026/NĐ-CP ngày 21/01/2026.

2.3. Lợi ích phương án đơn giản hóa

* Chi phí tuân thủ:

- Chi phí tuân thủ TTHC trước khi đơn giản hóa: 180.960.000 đồng/năm

- Chi phí tuân thủ TTHC sau khi đơn giản hóa: 158.340.000 đồng/năm.

- Chi phí tiết kiệm: 22.620.000 đồng/năm.

- Tỷ lệ cắt giảm chi phí: 12,5%.

* Thời gian thực hiện TTHC:

- Thời gian tuân thủ TTHC trước khi đơn giản hóa: 08 ngày làm việc.

- Thời gian tuân thủ TTHC sau khi đơn giản hóa: 07 ngày làm việc.

- Thời gian cắt giảm: 01 ngày làm việc.

- Tỷ lệ cắt giảm thời gian: 12,5%.

2.4. Lộ trình thực hiện: 2026 - 2027

3. Gia hạn chứng nhận đủ điều kiện buôn bán thuốc thú y. Mã TTHC: 1.014779

3.1. Nội dung đơn giản hóa

- Cắt giảm thời gian từ 08 ngày làm việc xuống còn 07 ngày làm việc (giảm 01 ngày kiểm tra điều kiện, đánh giá thực tế tại cơ sở); tỷ lệ cắt giảm 12,5%.

- Lý do: Tạo điều kiện thuận lợi, cắt giảm thời gian, chi phí cho tổ chức, cá nhân; đơn giản hoá theo quy định tại theo Nghị quyết số 66/NQ-CP ngày 26/3/2025 của Chính phủ.

3.2. Kiến nghị thực thi

- Sửa đổi khoản 4 Điều 24 Nghị định số 32/2026/NĐ-CP ngày 21/01/2026.

3.3. Lợi ích phương án đơn giản hóa

* Chi phí tuân thủ:

- Chi phí tuân thủ TTHC trước khi đơn giản hóa: 180.960.000 đồng/năm
- Chi phí tuân thủ TTHC sau khi đơn giản hóa: 158.340.000 đồng/năm.
- Chi phí tiết kiệm: 22.620.000 đồng/năm.
- Tỷ lệ cắt giảm chi phí: 12,5%.

* Thời gian thực hiện TTHC:

- Thời gian tuân thủ TTHC trước khi đơn giản hóa: 08 ngày làm việc.
- Thời gian tuân thủ TTHC sau khi đơn giản hóa: 07 ngày làm việc.
- Thời gian cắt giảm: 01 ngày làm việc.
- Tỷ lệ cắt giảm thời gian: 12,5%.

3.4. Lộ trình thực hiện: 2026 - 2027

4. Cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện buôn bán thuốc thú y. Mã TTHC: 1.004839

4.1. Nội dung đơn giản hóa

- Cắt giảm thời gian từ 05 ngày làm việc xuống còn 03 ngày làm việc (giảm 02 ngày thời gian trả kết quả giải quyết TTHC); tỷ lệ cắt giảm 40%.
- Lý do: Tạo điều kiện thuận lợi, cắt giảm thời gian, chi phí cho tổ chức, cá nhân; đơn giản hoá theo quy định tại theo Nghị quyết số 66/NQ-CP ngày 26/3/2025 của Chính phủ.

4.2. Kiến nghị thực thi

- Sửa đổi khoản 3 Điều 24 Nghị định số 32/2026/NĐ-CP ngày 21/01/2026.

4.3. Lợi ích phương án đơn giản hóa

* Chi phí tuân thủ:

- Chi phí tuân thủ TTHC trước khi đơn giản hóa: 18.850.000 đồng/năm
- Chi phí tuân thủ TTHC sau khi đơn giản hóa: 11.310.000 đồng/năm.
- Chi phí tiết kiệm: 7.540.000 đồng/năm.
- Tỷ lệ cắt giảm chi phí: 40%.

* Thời gian thực hiện TTHC:

- Thời gian tuân thủ TTHC trước khi đơn giản hóa: 05 ngày làm việc.
- Thời gian tuân thủ TTHC sau khi đơn giản hóa: 03 ngày làm việc.
- Thời gian cắt giảm: 02 ngày làm việc.
- Tỷ lệ cắt giảm thời gian: 40%.

4.4. Lộ trình thực hiện: 2026 – 2027

5. Cấp Giấy xác nhận nội dung quảng cáo thuốc thú y. Mã TTHC 1.004022

5.1. Nội dung đơn giản hóa

- Bãi bỏ thủ tục hành chính.
- Lý do: Hồ sơ phát sinh ít (từ năm 2021 đến nay phát sinh 02 hồ sơ).

5.2. Kiến nghị thực thi

- Kiến nghị Bộ Nông nghiệp và Môi trường bãi bỏ thủ tục hành chính Cấp Giấy xác nhận nội dung quảng cáo thuốc thú y đã được công bố tại Quyết định số 2303/QĐ-BNNMT ngày 23/6/2025 của Bộ Nông nghiệp và Môi trường về việc công bố thủ tục hành chính lĩnh vực Chăn nuôi và Thú y thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Nông nghiệp và Môi trường..

5.3. Lợi ích phương án đơn giản hóa (kèm theo biểu đánh giá chi phí tuân thủ)

* Chi phí tuân thủ TTHC:

- Chi phí tuân thủ TTHC trước khi đơn giản hóa: 30.160.000 đồng/năm
- Chi phí tuân thủ TTHC sau khi đơn giản hóa: 0 đồng/năm.
- Chi phí tiết kiệm: 30.160.000 đồng/năm.
- Tỷ lệ cắt giảm: 100%

* Thời gian thực hiện TTHC

- Thời gian giải quyết TTHC trước khi đơn giản hóa: 05 ngày làm việc.
- Thời gian giải quyết TTHC sau khi đơn giản hóa: 05 ngày làm việc.
- Thời gian giải quyết TTHC tiết kiệm: 05 ngày làm việc.
- Tỷ lệ thời gian cắt giảm: 100%.

5.4. Lộ trình thực hiện: 2026 – 2027

6. Cấp Chứng chỉ hành nghề thú y. Mã TTHC 1.004692

6.1. Nội dung đơn giản hóa

- Bãi bỏ thủ tục hành chính.
- Lý do: đề xuất bãi bỏ thủ tục hành chính để giảm thời gian và chi phí cho tổ chức, cá nhân.

6.2. Kiến nghị thực thi

- Kiến nghị Bộ Nông nghiệp và Môi trường bãi bỏ thủ tục hành chính Cấp Chứng chỉ hành nghề thú y đã được công bố tại Quyết định số 277/QĐ-BNNMT ngày 23/01/2026 của Bộ Nông nghiệp và Môi trường về việc công bố thủ tục hành chính được sửa đổi, bổ sung, thay thế, bị bãi bỏ lĩnh vực chăn nuôi và thú y thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Nông nghiệp và Môi trường.

6.3. Lợi ích phương án đơn giản hóa (kèm theo biểu đánh giá chi phí tuân thủ)

* Chi phí tuân thủ TTHC:

- Chi phí tuân thủ TTHC trước khi đơn giản hóa: 490.100.000 đồng/năm
- Chi phí tuân thủ TTHC sau khi đơn giản hóa: 0 đồng/năm.
- Chi phí tiết kiệm: 490.100.000 đồng/năm.
- Tỷ lệ chi phí cắt giảm: 100%.

* Thời gian thực hiện TTHC

- Thời gian giải quyết TTHC trước khi đơn giản hóa: 05 ngày làm việc.
- Thời gian giải quyết TTHC sau khi đơn giản hóa: 0 ngày làm việc.
- Thời gian giải quyết TTHC tiết kiệm: 05 ngày làm việc.
- Tỷ lệ thời gian cắt giảm: 100%.

6.4. Lộ trình thực hiện: 2026 – 2027

7. Gia hạn Chứng chỉ hành nghề thú y (Mã TTHC 2.001064)

7.1. Nội dung đơn giản hóa

- Bãi bỏ thủ tục hành chính.
- Lý do: đề xuất bãi bỏ thủ tục hành chính để giảm thời gian và chi phí cho tổ chức, cá nhân.

7.2. Kiến nghị thực thi

- Sửa đổi điểm b khoản 2; điểm b khoản 3 Điều 28 Nghị định 41/2026/NĐ-CP ngày 25/01/2026 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Thủy sản theo hướng rút ngắn thời gian giải quyết thủ tục hành chính.

7.3. Lợi ích phương án đơn giản hóa (kèm theo biểu đánh giá chi phí tuân thủ)

* Chi phí tuân thủ TTHC:

- Chi phí tuân thủ TTHC trước khi đơn giản hóa: 67.860.000 đồng/năm
- Chi phí tuân thủ TTHC sau khi đơn giản hóa: 0 đồng/năm.
- Chi phí tiết kiệm: 67.860.000 đồng/năm.
- Tỷ lệ chi phí cắt giảm: 100%.

* Thời gian thực hiện TTHC

- Thời gian giải quyết TTHC trước khi đơn giản hóa: 3 ngày làm việc .
- Thời gian giải quyết TTHC sau khi đơn giản hóa: 0 ngày làm việc.
- Thời gian giải quyết TTHC tiết kiệm: 03 ngày làm việc.

- Tỷ lệ thời gian cắt giảm: 100%.

7.4. Lộ trình thực hiện: 2026 – 2027

8. Cấp lại Chứng chỉ hành nghề thú y. (Mã TTHC 1.005319)

8.1. Nội dung đơn giản hóa

- Bãi bỏ thủ tục hành chính.

- Lý do: đề xuất bãi bỏ thủ tục hành chính để giảm thời gian và chi phí cho tổ chức, cá nhân.

8.2. Kiến nghị thực thi

- Kiến nghị Bộ Nông nghiệp và Môi trường bãi bỏ thủ tục hành chính Cấp Chứng chỉ hành nghề thú y đã được công bố tại Quyết định số 277/QĐ-BNNMT ngày 23/01/2026 của Bộ Nông nghiệp và Môi trường về việc công bố thủ tục hành chính được sửa đổi, bổ sung, thay thế, bị bãi bỏ lĩnh vực chăn nuôi và thú y thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Nông nghiệp và Môi trường.

8.3. Lợi ích phương án đơn giản hóa (kèm theo biểu đánh giá chi phí tuân thủ)

* Chi phí tuân thủ TTHC:

- Chi phí tuân thủ TTHC trước khi đơn giản hóa: 22.620.000 đồng/năm

- Chi phí tuân thủ TTHC sau khi đơn giản hóa: 0 đồng/năm.

- Chi phí tiết kiệm: 22.620.000 đồng/năm.

- Tỷ lệ chi phí cắt giảm: 100%

* Thời gian thực hiện TTHC

- Thời gian giải quyết TTHC trước khi đơn giản hóa: 3 ngày làm việc.

- Thời gian giải quyết TTHC sau khi đơn giản hóa: 0 ngày làm việc.

- Thời gian giải quyết TTHC tiết kiệm: 3 ngày làm việc

- Tỷ lệ thời gian cắt giảm: **100%**

8.4. Lộ trình thực hiện: 2026 – 2027

II. LĨNH VỰC CHĂN NUÔI

1. Cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện chăn nuôi đối với chăn nuôi trang trại quy mô lớn. Mã TTHC 1.008128

1.1. Nội dung đơn giản hóa

- Cắt giảm thời gian thực hiện từ 28 ngày làm việc xuống còn 23 ngày làm việc (giảm 5 ngày làm việc); tỷ lệ cắt giảm 19%.

- Lý do: Cắt giảm thời gian chờ đợi tạo điều kiện cho doanh nghiệp; đơn giản hoá theo quy định tại theo Nghị quyết số 66/NQ-CP ngày 26/3/2025 của Chính phủ.

1.2. Kiến nghị thực thi

- Sửa đổi điểm b khoản 3 Điều 23 Nghị định 13/2020/NĐ-CP ngày 21/01/2020 hướng dẫn chi tiết Luật Chăn nuôi.

1.3. Lợi ích phương án đơn giản hóa (kèm theo biểu đánh giá chi phí tuân thủ)

* Chi phí tuân thủ TTHC:

- Chi phí tuân thủ TTHC trước khi đơn giản hóa: 211.120.000 đồng/năm
- Chi phí tuân thủ TTHC sau khi đơn giản hóa: 173.420.000 đồng/năm.
- Chi phí tiết kiệm: 37.700.000 đồng/năm.
- Tỷ lệ chi phí cắt giảm: 18%.

* Thời gian thực hiện TTHC

- Thời gian giải quyết TTHC trước khi đơn giản hóa: 28 ngày làm việc.
- Thời gian giải quyết TTHC sau khi đơn giản hóa: 23 ngày làm việc.
- Thời gian giải quyết TTHC tiết kiệm: 05 ngày làm việc.
- Tỷ lệ thời gian cắt giảm: 19%.

1.4. Lộ trình thực hiện: 2026 – 2027

III. LĨNH VỰC THỦY SẢN

1. Cấp, cấp lại Giấy xác nhận đăng ký nuôi trồng thủy sản lồng bè, đối tượng thủy sản nuôi chủ lực (hoạt động trên nội địa thuộc phạm vi quản lý từ 02 xã, phường trở lên và cơ sở nuôi trồng thủy sản lồng bè thuộc thẩm quyền giao khu vực biển của Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh). Mã TTHC 1.004692

1.1. Nội dung đơn giản hóa

- Cắt giảm thời gian thực hiện từ 05 ngày làm việc xuống còn 04 ngày làm việc (giảm 1 ngày làm việc; tương đương khoảng **20% thời gian giải quyết**).
- Lý do: Tạo điều kiện thuận lợi, cắt giảm thời gian, chi phí cho tổ chức, cá nhân; đơn giản hoá theo quy định tại theo Nghị quyết số 66/NQ-CP ngày 26/3/2025 của Chính phủ.

1.2. Kiến nghị thực thi

- Sửa đổi điểm b khoản 5 Điều 21 Nghị định 41/2026/NĐ-CP ngày 25/01/2026 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Thủy sản theo hướng rút ngắn thời gian giải quyết thủ tục hành chính.

1.3. Lợi ích phương án đơn giản hóa (kèm theo biểu đánh giá chi phí tuân thủ)

* Chi phí tuân thủ TTHC:

- Chi phí tuân thủ TTHC trước khi đơn giản hóa: 56.550.000 đồng/năm

- Chi phí tuân thủ TTHC sau khi đơn giản hóa: 45.240.000 đồng/năm.
- Chi phí tiết kiệm: 11.310.000 đồng/năm.
- Tỷ lệ chi phí cắt giảm: 20%.

*** Thời gian thực hiện TTHC**

- Thời gian giải quyết TTHC trước khi đơn giản hóa: 05 ngày làm việc.
- Thời gian giải quyết TTHC sau khi đơn giản hóa: 04 ngày làm việc.
- Thời gian giải quyết TTHC tiết kiệm: 01 ngày làm việc.
- Tỷ lệ thời gian cắt giảm: 20%.

1.4. Lộ trình thực hiện: 2026 – 2027

2. Cấp, cấp lại Giấy phép khai thác thủy sản (Mã TTHC 1.004359)

2.1. Nội dung đơn giản hóa

- Cắt giảm thời gian thực hiện từ 5 ngày làm việc đối với cấp mới; 03 ngày làm việc đối với cấp lại *xuống còn* 3 ngày làm việc đối với cấp mới; 1,5 ngày làm việc đối với cấp lại ((giảm 2 ngày làm việc đối với cấp mới và 1,5 ngày làm việc đối với cấp lại; tương đương khoảng **40% (cấp mới) và 50% (cấp lại) thời gian giải quyết**).

- Lý do: Tạo điều kiện thuận lợi, cắt giảm thời gian, chi phí cho tổ chức, cá nhân; đơn giản hoá theo quy định tại theo Nghị quyết số 66/NQ-CP ngày 26/3/2025 của Chính phủ.

2.2. Kiến nghị thực thi

- Sửa đổi điểm b khoản 2; điểm b khoản 3 Điều 28 Nghị định 41/2026/NĐ-CP ngày 25/01/2026 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Thủy sản theo hướng rút ngắn thời gian giải quyết thủ tục hành chính.

2.3. Lợi ích phương án đơn giản hóa (kèm theo biểu đánh giá chi phí tuân thủ)

*** Chi phí tuân thủ TTHC:**

- Chi phí tuân thủ TTHC trước khi đơn giản hóa: 69.745.000 đồng/năm
- Chi phí tuân thủ TTHC sau khi đơn giản hóa: 39.585.000 đồng/năm.
- Chi phí tiết kiệm: 30.160.000 đồng/năm.
- Tỷ lệ chi phí cắt giảm: 43%

*** Thời gian thực hiện TTHC**

- Thời gian giải quyết TTHC trước khi đơn giản hóa: 5 ngày làm việc đối với cấp mới; 03 ngày làm việc đối với cấp lại.

- Thời gian giải quyết TTHC sau khi đơn giản hóa: 3 ngày làm việc đối với cấp mới; 1,5 ngày làm việc đối với cấp lại.

- Thời gian giải quyết TTHC tiết kiệm: 2 ngày làm việc đối với cấp mới và 1,5 ngày làm việc đối với cấp lại.

- Tỷ lệ thời gian cắt giảm: **40% (cấp mới) và 50% (cấp lại)**

2.4. Lộ trình thực hiện: 2026 – 2027

3. Cấp văn bản chấp thuận đóng mới, cải hoán, thuê, mua tàu cá Việt Nam. (Mã TTHC 1.004344)

3.1. Nội dung đơn giản hóa

- Cắt giảm thời gian thực hiện từ 2 ngày làm việc xuống còn 1,5 ngày làm việc; tương đương khoảng **25% thời gian giải quyết.**

- Lý do: Tạo điều kiện thuận lợi, cắt giảm thời gian, chi phí cho tổ chức, cá nhân; đơn giản hoá theo quy định tại theo Nghị quyết số 66/NQ-CP ngày 26/3/2025 của Chính phủ.

3.2. Kiến nghị thực thi

- Sửa đổi điểm b khoản 3 Điều 43 Nghị định 41/2026/NĐ-CP ngày 25/01/2026 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Thủy sản theo hướng rút ngắn thời gian giải quyết thủ tục hành chính.

3.3. Lợi ích phương án đơn giản hóa (kèm theo biểu đánh giá chi phí tuân thủ)

* Chi phí tuân thủ TTHC:

- Chi phí tuân thủ TTHC trước khi đơn giản hóa: 7.540.000 đồng/năm

- Chi phí tuân thủ TTHC sau khi đơn giản hóa: 5.655.000 đồng/năm.

- Chi phí tiết kiệm: 1.885.000 đồng/năm.

- Tỷ lệ chi phí cắt giảm: 25%

* Thời gian thực hiện TTHC

- Thời gian giải quyết TTHC trước khi đơn giản hóa: 2 ngày làm việc.

- Thời gian giải quyết TTHC sau khi đơn giản hóa: 1,5 ngày làm việc.

- Thời gian giải quyết TTHC tiết kiệm: 0,5 ngày làm việc

- Tỷ lệ thời gian cắt giảm: **25%**

3.4. Lộ trình thực hiện: 2026 – 2027

4. Cấp giấy chứng nhận đăng ký tàu cá, tàu phục vụ nuôi trồng thủy sản (Mã TTHC 1.003650).

4.1. Nội dung đơn giản hóa

- Cắt giảm thời gian thực hiện từ 3 ngày làm việc xuống còn 1,5 ngày làm việc; tương đương khoảng **50% thời gian giải quyết.**

- Lý do: Tạo điều kiện thuận lợi, cắt giảm thời gian, chi phí cho tổ chức, cá nhân; đơn giản hoá theo quy định tại theo Nghị quyết số 66/NQ-CP ngày 26/3/2025 của Chính phủ.

4.2. Kiến nghị thực thi

- Sửa đổi điểm b khoản 9 Điều 19 Thông tư số 02/2026/TT-BNNMT ngày 01/01/2026 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường Quy định về đăng kiểm viên tàu cá; bảo đảm an toàn kỹ thuật; đăng ký, xóa đăng ký tàu cá, tàu công vụ thủy sản, tàu phục vụ nuôi trồng thủy sản; treo cờ và đánh dấu tàu cá, tàu phục vụ nuôi trồng thủy sản; nhập khẩu tàu cá; phân loại cảng cá; công bố mở, đóng cảng cá.

4.3. Lợi ích phương án đơn giản hóa

* Chi phí tuân thủ TTHC:

- Chi phí tuân thủ TTHC trước khi đơn giản hóa: 33.930.000 đồng/năm

- Chi phí tuân thủ TTHC sau khi đơn giản hóa: 16.965.000 đồng/năm.

- Chi phí tiết kiệm: 16.965.000 đồng/năm.

- Tỷ lệ chi phí cắt giảm: 50%

* Thời gian thực hiện TTHC

- Thời gian giải quyết TTHC trước khi đơn giản hóa: 3 ngày làm việc.

- Thời gian giải quyết TTHC sau khi đơn giản hóa: 1,5 ngày làm việc.

- Thời gian giải quyết TTHC tiết kiệm: 1,5 ngày làm việc

- Tỷ lệ thời gian cắt giảm: **50%**

4.4. Lộ trình thực hiện: 2026 – 2027

5. Cấp lại giấy chứng nhận đăng ký tàu cá, tàu phục vụ nuôi trồng thủy sản (Mã TTHC 1.003634).

5.1. Nội dung đơn giản hóa

- Cắt giảm thời gian thực hiện từ 2 ngày làm việc xuống còn 1.5 ngày làm việc; tương đương khoảng **25% thời gian giải quyết.**

- Lý do: Tạo điều kiện thuận lợi, cắt giảm thời gian, chi phí cho tổ chức, cá nhân; đơn giản hoá theo quy định tại theo Nghị quyết số 66/NQ-CP ngày 26/3/2025 của Chính phủ.

5.2. Kiến nghị thực thi

- Sửa đổi, bổ sung điểm b, khoản 3 Điều 20 Thông tư số 02/2026/TT-BNNMT ngày 01/01/2026 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường Quy định về đăng kiểm viên tàu cá; bảo đảm an toàn kỹ thuật; đăng ký, xóa đăng ký tàu cá, tàu công vụ thủy sản, tàu phục vụ nuôi trồng thủy sản; treo cờ và đánh dấu tàu cá, tàu phục vụ nuôi trồng thủy sản; nhập khẩu tàu cá; phân loại cảng cá; công bố mở, đóng cảng cá.

5.3. Lợi ích phương án đơn giản hóa

* Chi phí tuân thủ TTHC:

- Chi phí tuân thủ TTHC trước khi đơn giản hóa: 11.310.000 đồng/năm
- Chi phí tuân thủ TTHC sau khi đơn giản hóa: 8.482.500 đồng/năm.
- Chi phí tiết kiệm: 2.827.500 đồng/năm.
- Tỷ lệ chi phí cắt giảm: 25%

* Thời gian thực hiện TTHC

- Thời gian giải quyết TTHC trước khi đơn giản hóa: 2 ngày làm việc.
- Thời gian giải quyết TTHC sau khi đơn giản hóa: 1,5 ngày làm việc.
- Thời gian giải quyết TTHC tiết kiệm: 0,5 ngày làm việc
- Tỷ lệ thời gian cắt giảm: **25%**

5.4. Lộ trình thực hiện: 2026 – 2027

6. Cấp giấy chứng nhận đăng ký tạm thời tàu cá, tàu phục vụ nuôi trồng thủy sản. (Mã TTHC 1.003586).

6.1. Nội dung đơn giản hóa

- Cắt giảm thời gian thực hiện từ 2 ngày làm việc xuống còn 1.5 ngày làm việc; tương đương khoảng **25% thời gian giải quyết.**

- Lý do: Tạo điều kiện thuận lợi, cắt giảm thời gian, chi phí cho tổ chức, cá nhân; đơn giản hoá theo quy định tại theo Nghị quyết số 66/NQ-CP ngày 26/3/2025 của Chính phủ.

6.2. Kiến nghị thực thi

- Sửa đổi, bổ sung điểm b, khoản 3 Điều 21 Thông tư số 02/2026/TT-BNNMT ngày 01/01/2026 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường Quy định về đăng kiểm viên tàu cá; bảo đảm an toàn kỹ thuật; đăng ký, xóa đăng ký tàu cá, tàu công vụ thủy sản, tàu phục vụ nuôi trồng thủy sản; treo cờ và đánh dấu tàu cá, tàu phục vụ nuôi trồng thủy sản; nhập khẩu tàu cá; phân loại cảng cá; công bố mở, đóng cảng cá

6.3. Lợi ích phương án đơn giản hóa

* Chi phí tuân thủ TTHC:

- Chi phí tuân thủ TTHC trước khi đơn giản hóa: 15.080.000 đồng/năm
- Chi phí tuân thủ TTHC sau khi đơn giản hóa: 11.310.000 đồng/năm.
- Chi phí tiết kiệm: 3.770.000 đồng/năm.
- Tỷ lệ chi phí cắt giảm: 25%

* Thời gian thực hiện TTHC

- Thời gian giải quyết TTHC trước khi đơn giản hóa: 2 ngày làm việc.
- Thời gian giải quyết TTHC sau khi đơn giản hóa: 1,5 ngày làm việc.
- Thời gian giải quyết TTHC tiết kiệm: 0,5 ngày làm việc

- Tỷ lệ thời gian cắt giảm: **25%**

6.4. Lộ trình thực hiện: 2026 – 2027

7. Công nhận và giao quyền quản lý cho tổ chức cộng đồng (thuộc địa bàn từ 02 xã trở lên) (Mã TTHC 1.004923).

7.1. Nội dung đơn giản hóa

- Cắt giảm thời gian thực hiện từ 35 ngày làm việc *xuống còn* 30 ngày làm việc; tương đương khoảng **14,3% thời gian giải quyết.**

- Lý do: Tạo điều kiện thuận lợi, cắt giảm thời gian, chi phí cho tổ chức, cá nhân; đơn giản hoá theo quy định tại theo Nghị quyết số 66/NQ-CP ngày 26/3/2025 của Chính phủ.

7.2. Kiến nghị thực thi

- Sửa đổi, bổ sung điểm b, c, d khoản 2 Điều 5 Thông tư số 88/2025/TT-BNNMT ngày 31/12/2025 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường về hướng dẫn bảo vệ và phát triển nguồn lợi thủy sản

7.3. Lợi ích phương án đơn giản hóa

* Chi phí tuân thủ TTHC:

- Chi phí tuân thủ TTHC trước khi đơn giản hóa: 65.975.000 đồng/năm

- Chi phí tuân thủ TTHC sau khi đơn giản hóa: 56.550.000 đồng/năm.

- Chi phí tiết kiệm: 9.425.000 đồng/năm.

- Tỷ lệ chi phí cắt giảm: 14,3%

* Thời gian thực hiện TTHC

- Thời gian giải quyết TTHC trước khi đơn giản hóa: 35 ngày làm việc.

- Thời gian giải quyết TTHC sau khi đơn giản hóa: 30 ngày làm việc.

- Thời gian giải quyết TTHC tiết kiệm: 5 ngày làm việc

- Tỷ lệ thời gian cắt giảm: **14,3%**

7.4. Lộ trình thực hiện: 2026 – 2027

8. Sửa đổi, bổ sung nội dung quyết định công nhận và giao quyền quản lý cho tổ chức cộng đồng (thuộc địa bàn từ 02 xã trở lên) (Mã TTHC 1.004921).

8.1. Nội dung đơn giản hóa

- Cắt giảm thời gian thực hiện từ : 5 ngày làm việc với *thay đổi tên tổ chức cộng đồng, người đại diện tổ chức cộng đồng, sửa đổi, bổ sung Quy chế hoạt động của tổ chức cộng đồng*; 35 ngày làm việc *sửa đổi, bổ sung vị trí, ranh giới khu vực địa lý được giao; phương án bảo vệ và khai thác nguồn lợi thủy sản phạm vi quyền được giao xuống còn* 3,5 ngày làm việc với *thay đổi tên tổ chức cộng đồng, người đại diện tổ chức cộng đồng, sửa đổi, bổ sung Quy chế hoạt động của tổ chức cộng đồng*; 30 ngày làm việc *sửa đổi, bổ sung vị trí, ranh giới khu vực địa lý được giao; phương án bảo vệ và khai thác nguồn lợi thủy sản*

phạm vi quyền được giao; tương đương khoảng 30% và 14.3% thời gian giải quyết.

- Lý do: Tạo điều kiện thuận lợi, cắt giảm thời gian, chi phí cho tổ chức, cá nhân; đơn giản hoá theo quy định tại theo Nghị quyết số 66/NQ-CP ngày 26/3/2025 của Chính phủ.

8.2. Kiến nghị thực thi

- Sửa đổi, bổ sung điểm b, khoản 3; điểm b, c, d khoản 4 Điều 6 Thông tư số 88/2025/TT-BNNMT ngày 31/12/2025 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường về hướng dẫn bảo vệ và phát triển nguồn lợi thủy sản

8.3. Lợi ích phương án đơn giản

* Chi phí tuân thủ TTHC:

- Chi phí tuân thủ TTHC trước khi đơn giản hóa: 75.500.000 đồng/năm

- Chi phí tuân thủ TTHC sau khi đơn giản hóa: 63.147.000 đồng/năm.

- Chi phí tiết kiệm: 12.353.000 đồng/năm.

- Tỷ lệ chi phí cắt giảm: 16,4%

* Thời gian thực hiện TTHC

- Thời gian giải quyết TTHC trước khi đơn giản hóa: 5 ngày làm việc với *thay đổi tên tổ chức cộng đồng, người đại diện tổ chức cộng đồng, sửa đổi, bổ sung Quy chế hoạt động của tổ chức cộng đồng; 35 ngày làm việc sửa đổi, bổ sung vị trí, ranh giới khu vực địa lý được giao; phương án bảo vệ và khai thác nguồn lợi thủy sản phạm vi quyền được giao.*

- Thời gian giải quyết TTHC sau khi đơn giản hóa: 3,5 ngày làm việc với *thay đổi tên tổ chức cộng đồng, người đại diện tổ chức cộng đồng, sửa đổi, bổ sung Quy chế hoạt động của tổ chức cộng đồng; 30 ngày làm việc sửa đổi, bổ sung vị trí, ranh giới khu vực địa lý được giao; phương án bảo vệ và khai thác nguồn lợi thủy sản phạm vi quyền được giao.*

- Thời gian giải quyết TTHC tiết kiệm: 1,5 ngày làm việc và 5 ngày làm việc (tùy trường hợp xin thay đổi).

- Tỷ lệ thời gian cắt giảm: 30% và 14,3% thời gian giải quyết (tùy trường hợp xin thay đổi).

8.4. Lộ trình thực hiện: 2026 – 2027

9. Công bố mở cổng cá loại I, II. (Mã TTHC 1.004694).

9.1. Nội dung đơn giản hóa

- Cắt giảm thời gian thực hiện từ 5 ngày làm việc xuống còn 03 ngày làm việc; tương đương khoảng 40% thời gian giải quyết.

- Lý do: Tạo điều kiện thuận lợi, cắt giảm thời gian, chi phí cho tổ chức, cá nhân; đơn giản hoá theo quy định tại theo Nghị quyết số 66/NQ-CP ngày 26/3/2025 của Chính phủ.

9.2. Kiến nghị thực thi

- Sửa đổi, bổ sung điểm b, c khoản 3 Điều 28 Thông tư số 02/2026/TT-BNNMT ngày 01/01/2026 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường Quy định về đăng kiểm viên tàu cá; bảo đảm an toàn kỹ thuật; đăng ký, xóa đăng ký tàu cá, tàu công vụ thủy sản, tàu phục vụ nuôi trồng thủy sản; treo cờ và đánh dấu tàu cá, tàu phục vụ nuôi trồng thủy sản; nhập khâu tàu cá; phân loại cảng cá; công bố mở, đóng cảng cá.

9.3. Lợi ích phương án đơn giản hóa

* Chi phí tuân thủ TTHC:

- Chi phí tuân thủ TTHC trước khi đơn giản hóa: 9.425.000 đồng/năm

- Chi phí tuân thủ TTHC sau khi đơn giản hóa: 5.655.000 đồng/năm.

- Chi phí tiết kiệm: 3.770.000 đồng/năm.

- Tỷ lệ chi phí cắt giảm: 40%

* Thời gian thực hiện TTHC

- Thời gian giải quyết TTHC trước khi đơn giản hóa: 5 ngày làm việc.

- Thời gian giải quyết TTHC sau khi đơn giản hóa: 3 ngày làm việc.

- Thời gian giải quyết TTHC tiết kiệm: 2 ngày làm việc

- Tỷ lệ thời gian cắt giảm: 40%

9.4. Lộ trình thực hiện: 2026 – 2027

10. Cấp, cấp lại giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện sản xuất thức ăn thủy sản, sản phẩm xử lý môi trường nuôi trồng thủy sản (trừ nhà đầu tư nước ngoài, tổ chức kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài) (Mã TTHC 1.004915).

10.1. Nội dung đơn giản hóa

- Cắt giảm thời gian thực hiện từ 10 ngày làm việc xuống còn 09 ngày làm việc; tương đương khoảng 10% thời gian giải quyết.

- Lý do: Tạo điều kiện thuận lợi, cắt giảm thời gian, chi phí cho tổ chức, cá nhân; đơn giản hoá theo quy định tại theo Nghị quyết số 66/NQ-CP ngày 26/3/2025 của Chính phủ.

10.2. Kiến nghị thực thi

- Sửa đổi điểm a khoản 4 Điều 14 Nghị định 41/2026/NĐ-CP ngày 25/01/2026 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Thủy sản theo hướng rút ngắn thời gian giải quyết thủ tục hành chính.

10.3. Lợi ích phương án đơn giản hóa

* Chi phí tuân thủ TTHC:

- Chi phí tuân thủ TTHC trước khi đơn giản hóa: 56.550.000 đồng/năm

- Chi phí tuân thủ TTHC sau khi đơn giản hóa: 50.895.000 đồng/năm.
- Chi phí tiết kiệm: 5.655.000 đồng/năm.
- Tỷ lệ chi phí cắt giảm: 10%

*** Thời gian thực hiện TTHC**

- Thời gian giải quyết TTHC trước khi đơn giản hóa: 10 ngày làm việc.
- Thời gian giải quyết TTHC sau khi đơn giản hóa: 9 ngày làm việc.
- Thời gian giải quyết TTHC tiết kiệm: 1 ngày làm việc
- Tỷ lệ thời gian cắt giảm: **10%**

10.4. Lộ trình thực hiện: 2026 – 2027

11. Cấp, cấp lại giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện sản xuất, ương dưỡng giống thủy sản (trừ cơ sở sản xuất, ương dưỡng giống thủy sản bố mẹ, cơ sở sản xuất, ương dưỡng đồng thời giống thủy sản bố mẹ và giống thủy sản không phải là giống thủy sản bố mẹ) (Mã TTHC 1.004918).

11.1. Nội dung đơn giản hóa

- Cắt giảm thời gian thực hiện từ 10 ngày làm việc xuống còn 09 ngày làm việc; tương đương khoảng **10% thời gian giải quyết.**

- Lý do: Tạo điều kiện thuận lợi, cắt giảm thời gian, chi phí cho tổ chức, cá nhân; đơn giản hoá theo quy định tại theo Nghị quyết số 66/NQ-CP ngày 26/3/2025 của Chính phủ.

11.2. Kiến nghị thực thi

- Sửa đổi điểm a khoản 4 Điều 10 Nghị định 41/2026/NĐ-CP ngày 25/01/2026 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Thủy sản theo hướng rút ngắn thời gian giải quyết thủ tục hành chính.

11.3. Lợi ích phương án đơn giản hóa

*** Chi phí tuân thủ TTHC:**

- Chi phí tuân thủ TTHC trước khi đơn giản hóa: 37.700.000 đồng/năm
- Chi phí tuân thủ TTHC sau khi đơn giản hóa: 33.930.000 đồng/năm.
- Chi phí tiết kiệm: 3.770.000 đồng/năm.

- Tỷ lệ chi phí cắt giảm: 10%

*** Thời gian thực hiện TTHC**

- Thời gian giải quyết TTHC trước khi đơn giản hóa: 10 ngày làm việc.
- Thời gian giải quyết TTHC sau khi đơn giản hóa: 9 ngày làm việc.
- Thời gian giải quyết TTHC tiết kiệm: 1 ngày làm việc
- Tỷ lệ thời gian cắt giảm: **10%**

11.4. Lộ trình thực hiện: 2026 – 2027

IV. LĨNH VỰC TÀI NGUYÊN NƯỚC

1. Cấp giấy phép thăm dò nước dưới đất đối với công trình có quy mô dưới 5.000 m³/ngày đêm. Mã TTHC 1.004232.

1.1. Nội dung đơn giản hoá:

- Về thời hạn giải quyết: rút ngắn thời gian giải quyết từ 30 ngày làm việc giảm xuống còn 26 làm việc ngày kể từ khi nhận đủ hồ sơ hợp lệ. Số ngày cắt giảm: 04 ngày làm việc.

- *Lý do:* Việc cắt giảm thời gian giải quyết giúp tiết kiệm thời gian cho đối tượng thực hiện TTHC nhưng vẫn đảm bảo giải quyết TTHC kịp thời cho tổ chức, cá nhân; cắt giảm, đơn giản hoá biểu mẫu trong thành phần hồ sơ tạo điều kiện thuận lợi cho doanh nghiệp, tổ chức; đơn giản hoá theo quy định tại theo Nghị quyết số 66/NQ-CP ngày 26/3/2025 của Chính phủ.

2.2. Kiến nghị thực thi:

Sửa đổi, bổ sung quy định tại Khoản 2, Điều 22 Nghị định 54/2024/NĐ-CP ngày 16/5/2024 của Chính phủ, Điều này được chỉnh sửa, Điều này được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại khoản 15 Điều 2 Nghị định số 23/2026/NĐ-CP.

2.3. Lợi ích phương án đơn giản hoá

*** Thời gian giải quyết TTHC:**

- Thời gian giải quyết TTHC trước khi đơn giản hóa: 30 ngày làm việc.
- Thời gian giải quyết TTHC sau khi đơn giản hóa: 26 ngày làm việc.
- Thời gian giải quyết TTHC tiết kiệm: 04 ngày làm việc.
- Tỷ lệ cắt giảm thời gian xử lý hồ sơ: 13,33%.

*** Chi phí tuân thủ:**

- Chi phí tuân thủ TTHC trước khi đơn giản hóa: 120.635.200 đồng.
- Chi phí tuân thủ TTHC sau khi đơn giản hóa: 101.105.600 đồng.
- Chi phí tiết kiệm: 19.529.600 đồng/năm.
- Tỷ lệ cắt giảm chi phí: 16,2%.

1.4. Lộ trình thực hiện: Năm 2026 - 2027.

2. Gia hạn, điều chỉnh giấy phép thăm dò nước dưới đất đối với công trình có quy mô dưới 5.000 m³/ngày đêm, mã TTHC 1.004228.

2.1. Nội dung đơn giản hoá:

- Về thời hạn giải quyết: rút ngắn thời gian giải quyết từ 24 ngày làm việc giảm xuống còn 22 ngày làm việc kể từ khi nhận đủ hồ sơ hợp lệ. Số ngày cắt giảm: 02 ngày làm việc.

- *Lý do:* Việc cắt giảm thời gian giải quyết giúp tiết kiệm thời gian cho đối tượng thực hiện TTHC nhưng vẫn đảm bảo giải quyết TTHC kịp thời cho tổ chức, cá nhân; cắt giảm, đơn giản hoá biểu mẫu, thành phần sơ đồ trong thành phần hồ sơ tạo điều kiện thuận lợi cho doanh nghiệp, tổ chức; đơn giản hoá theo quy định tại theo Nghị quyết số 66/NQ-CP ngày 26/3/2025 của Chính phủ.

2.2. Kiến nghị thực thi:

Sửa đổi, bổ sung quy định tại Khoản 2, Điều 23 Nghị định 54/2024/NĐ-CP ngày 16/5/2024 của Chính phủ, Điều này được chỉnh sửa, Điều này được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại khoản 16 Điều 2 Nghị định số 23/2026/NĐ-CP.

2.3. Lợi ích phương án đơn giản hoá

*** Chi phí tuân thủ:**

- Chi phí tuân thủ TTHC trước khi đơn giản hóa: 35.977.800 đồng/năm
- Chi phí tuân thủ TTHC sau khi đơn giản hóa: 31.191.000 đồng/năm.
- Chi phí tiết kiệm: 4.786.800 đồng/năm.
- Tỷ lệ cắt giảm chi phí: 13,3%.

*** Thời gian giải quyết TTHC:**

- Thời gian giải quyết TTHC trước khi đơn giản hóa: 24 ngày làm việc.
- Thời gian giải quyết TTHC sau khi đơn giản hóa: 22 ngày làm việc.
- Thời gian giải quyết TTHC tiết kiệm: 02 ngày làm việc.
- Tỷ lệ cắt giảm thời gian xử lý hồ sơ: 8,33%.

2.4. Lộ trình thực hiện: Năm 2026 - 2027.

3. Cấp giấy phép khai thác nước dưới đất đối với công trình có quy mô dưới 5.000 m³/ngày đêm. Mã TTHC 1.004223.

3.1. Nội dung đơn giản hoá:

- Về thời hạn giải quyết: rút ngắn thời gian giải quyết từ 30 ngày làm việc giảm xuống còn 26 ngày làm việc kể từ khi nhận đủ hồ sơ hợp lệ. Số ngày cắt giảm: 04 ngày làm việc.

- *Lý do:* Việc cắt giảm thời gian giải quyết giúp tiết kiệm thời gian cho đối tượng thực hiện TTHC nhưng vẫn đảm bảo giải quyết TTHC kịp thời cho tổ chức, cá nhân; cắt giảm, đơn giản hoá biểu mẫu trong thành phần hồ sơ tạo điều kiện thuận lợi cho doanh nghiệp, tổ chức; đơn giản hoá theo quy định tại theo Nghị quyết số 66/NQ-CP ngày 26/3/2025 của Chính phủ.

3.2. Kiến nghị thực thi:

Sửa đổi, bổ sung quy định tại Khoản 2, Điều 22 Nghị định 54/2024/NĐ-CP ngày 16/5/2024 của Chính phủ, Điều này được chỉnh sửa, Điều này được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại khoản 15 Điều 2 Nghị định số 23/2026/NĐ-CP.

3.3. Lợi ích phương án đơn giản hoá

*** Chi phí tuân thủ:**

- Chi phí tuân thủ TTHC trước khi đơn giản hóa: 3.015.880.000 đồng.
- Chi phí tuân thủ TTHC sau khi đơn giản hóa: 2.527.640.000 đồng.
- Chi phí tiết kiệm: 488.240.000 đồng/năm.
- Tỷ lệ cắt giảm chi phí: 16,2%.

*** Thời gian giải quyết TTHC:**

- Thời gian giải quyết TTHC trước khi đơn giản hóa: 30 ngày làm việc.
- Thời gian giải quyết TTHC sau khi đơn giản hóa: 26 ngày làm việc.
- Thời gian giải quyết TTHC tiết kiệm: 04 ngày làm việc.
- Tỷ lệ cắt giảm thời gian xử lý hồ sơ: 13,33%.

3.4. Lộ trình thực hiện: Năm 2026 - 2027.

4. Gia hạn, điều chỉnh giấy phép khai thác nước dưới đất đối với công trình có quy mô dưới 5.000 m³/ngày đêm, mã TTHC 1.004211.

4.1. Nội dung đơn giản hoá:

- Về thời hạn giải quyết: rút ngắn thời gian giải quyết từ 24 ngày làm việc giảm xuống còn 22 ngày làm việc kể từ khi nhận đủ hồ sơ hợp lệ. Số ngày cắt giảm: 02 ngày làm việc.

- *Lý do:* Việc cắt giảm thời gian giải quyết giúp tiết kiệm thời gian cho đối tượng thực hiện TTHC nhưng vẫn đảm bảo giải quyết TTHC kịp thời cho tổ chức, cá nhân; cắt giảm, đơn giản hoá biểu mẫu, thành phần sơ đồ trong thành phần hồ sơ tạo điều kiện thuận lợi cho doanh nghiệp, tổ chức; đơn giản hoá theo quy định tại theo Nghị quyết số 66/NQ-CP ngày 26/3/2025 của Chính phủ.

4.2. Kiến nghị thực thi:

Sửa đổi, bổ sung quy định tại Khoản 2, Điều 23 Nghị định 54/2024/NĐ-CP ngày 16/5/2024 của Chính phủ, Điều này được chỉnh sửa, Điều này được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại khoản 16 Điều 2 Nghị định số 23/2026/NĐ-CP.

4.3. Lợi ích phương án đơn giản hoá

*** Chi phí tuân thủ:**

- Chi phí tuân thủ TTHC trước khi đơn giản hóa: 899.445.000 đồng/năm
- Chi phí tuân thủ TTHC sau khi đơn giản hóa: 779.775.000 đồng/năm.
- Chi phí tiết kiệm: 119.670.000 đồng/năm.
- Tỷ lệ cắt giảm chi phí: 13,3%.

*** Thời gian giải quyết TTHC:**

- Thời gian giải quyết TTHC trước khi đơn giản hóa: 24 ngày làm việc.
- Thời gian giải quyết TTHC sau khi đơn giản hóa: 22 ngày làm việc.

- Thời gian giải quyết TTHC tiết kiệm: 02 ngày làm việc.
- Tỷ lệ cắt giảm thời gian xử lý hồ sơ: 8,33%.

4.4. Lộ trình thực hiện: Năm 2026 - 2027.

5. Cấp giấy phép khai thác nước mặt, nước biển (đối với các trường hợp quy định tại khoản 2 Điều 15 Nghị định số 54/2024/NĐ-CP. Mã TTHC 1.004179.

5.1. Nội dung đơn giản hoá:

- Về thời hạn giải quyết: rút ngắn thời gian giải quyết từ 30 ngày làm việc giảm xuống còn 26 ngày làm việc kể từ khi nhận đủ hồ sơ hợp lệ. Số ngày cắt giảm: 04 ngày làm việc.

- *Lý do:* Việc cắt giảm thời gian giải quyết giúp tiết kiệm thời gian cho đối tượng thực hiện TTHC nhưng vẫn đảm bảo giải quyết TTHC kịp thời cho tổ chức, cá nhân; cắt giảm, đơn giản hoá biểu mẫu trong thành phần hồ sơ tạo điều kiện thuận lợi cho doanh nghiệp, tổ chức; đơn giản hoá theo quy định tại theo Nghị quyết số 66/NQ-CP ngày 26/3/2025 của Chính phủ.

5.2. Kiến nghị thực thi:

Sửa đổi, bổ sung quy định tại Khoản 2, Điều 22 Nghị định 54/2024/NĐ-CP ngày 16/5/2024 của Chính phủ, Điều này được chỉnh sửa, Điều này được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại khoản 15 Điều 2 Nghị định số 23/2026/NĐ-CP.

5.3. Lợi ích phương án đơn giản hoá

*** Chi phí tuân thủ:**

- Chi phí tuân thủ TTHC trước khi đơn giản hóa: 703.176.000 đồng.
- Chi phí tuân thủ TTHC sau khi đơn giản hóa: 513.528.000 đồng.
- Chi phí tiết kiệm: 189.648.000 đồng/năm.
- Tỷ lệ cắt giảm chi phí: 27%.

*** Thời gian giải quyết TTHC:**

- Thời gian giải quyết TTHC trước khi đơn giản hóa: 30 ngày làm việc.
- Thời gian giải quyết TTHC sau khi đơn giản hóa: 26 ngày làm việc.
- Thời gian giải quyết TTHC tiết kiệm: 04 ngày làm việc.
- Tỷ lệ cắt giảm thời gian xử lý hồ sơ: 13,33%.

5.4. Lộ trình thực hiện: Năm 2026 - 2027.

6. Gia hạn, điều chỉnh giấy phép khai thác nước mặt, nước biển, mã TTHC 1.004167.

6.1. Nội dung đơn giản hoá:

- Về thời hạn giải quyết: rút ngắn thời gian giải quyết từ 24 ngày làm việc giảm xuống còn 22 ngày làm việc kể từ khi nhận đủ hồ sơ hợp lệ. Số ngày cắt giảm: 02 ngày làm việc.

- *Lý do:* Việc cắt giảm thời gian giải quyết giúp tiết kiệm thời gian cho đối tượng thực hiện TTHC nhưng vẫn đảm bảo giải quyết TTHC kịp thời cho tổ chức, cá nhân; cắt giảm, đơn giản hoá biểu mẫu, thành phần sơ đồ trong thành phần hồ sơ tạo điều kiện thuận lợi cho doanh nghiệp, tổ chức; đơn giản hoá theo quy định tại theo Nghị quyết số 66/NQ-CP ngày 26/3/2025 của Chính phủ.

6.2. Kiến nghị thực thi:

Sửa đổi, bổ sung quy định tại Khoản 2, Điều 23 Nghị định 54/2024/NĐ-CP ngày 16/5/2024 của Chính phủ, Điều này được chỉnh sửa, Điều này được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại khoản 16 Điều 2 Nghị định số 23/2026/NĐ-CP.

6.3. Lợi ích phương án đơn giản hoá

*** Chi phí tuân thủ:**

- Chi phí tuân thủ TTHC trước khi đơn giản hóa: 349.815.000 đồng/năm
- Chi phí tuân thủ TTHC sau khi đơn giản hóa: 271.290.000 đồng/năm.
- Chi phí tiết kiệm: 78.525.000 đồng/năm.
- Tỷ lệ cắt giảm chi phí: 22,45%.

*** Thời gian giải quyết TTHC:**

- Thời gian giải quyết TTHC trước khi đơn giản hóa: 24 ngày làm việc.
- Thời gian giải quyết TTHC sau khi đơn giản hóa: 22 ngày làm việc.
- Thời gian giải quyết TTHC tiết kiệm: 02 ngày làm việc.
- Tỷ lệ cắt giảm thời gian xử lý hồ sơ: 8,33%.

6.4. Lộ trình thực hiện: Năm 2026 - 2027.

7. Tính tiền cấp quyền khai thác tài nguyên nước đối với công trình đã vận hành. Mã TTHC 2.001770.

7.1 Trường hợp nộp cùng với hồ sơ đề nghị cấp giấy phép khai thác tài nguyên nước thuộc thẩm quyền cấp phép của UBND cấp tỉnh

1. Nội dung đơn giản hoá:

- Về thời hạn giải quyết: rút ngắn thời gian giải quyết từ 30 ngày làm việc giảm xuống còn 26 ngày làm việc kể từ khi nhận đủ hồ sơ hợp lệ. Số ngày cắt giảm: 04 ngày làm việc.

- *Lý do:* Việc cắt giảm thời gian giải quyết giúp tiết kiệm thời gian cho đối tượng thực hiện TTHC nhưng vẫn đảm bảo giải quyết TTHC kịp thời cho tổ chức, cá nhân; cắt giảm, đơn giản hoá biểu mẫu trong thành phần hồ sơ tạo điều kiện thuận lợi cho doanh nghiệp, tổ chức; đơn giản hoá theo quy định tại theo Nghị quyết số 66/NQ-CP ngày 26/3/2025 của Chính phủ.

2. Kiến nghị thực thi:

Sửa đổi, bổ sung quy định tại Khoản 1, Điều 51 Nghị định 54/2024/NĐ-CP ngày 16/5/2024 của Chính phủ, Điều này được chỉnh sửa, Điều này được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại khoản 32 Điều 2 Nghị định số 23/2026/NĐ-CP.

3. Lợi ích phương án đơn giản hoá

*** Chi phí tuân thủ:**

- Chi phí tuân thủ TTHC trước khi đơn giản hóa: 3.319.056.000 đồng.
- Chi phí tuân thủ TTHC sau khi đơn giản hóa: 2.865.168.000 đồng.
- Chi phí tiết kiệm: 453.888.000 đồng/năm.
- Tỷ lệ cắt giảm chi phí: 13,7%.

*** Thời gian giải quyết TTHC:**

- Thời gian giải quyết TTHC trước khi đơn giản hóa: 30 ngày làm việc.
- Thời gian giải quyết TTHC sau khi đơn giản hóa: 26 ngày làm việc.
- Thời gian giải quyết TTHC tiết kiệm: 04 ngày làm việc.
- Tỷ lệ cắt giảm thời gian xử lý hồ sơ: 13,33%.

4. Lộ trình thực hiện: Năm 2026 - 2027.

7.2. Trường hợp nộp cùng hồ sơ đề nghị gia hạn, điều chỉnh giấy phép khai thác tài nguyên nước thuộc thẩm quyền cấp phép của UBND cấp tỉnh.

1. Nội dung đơn giản hoá:

- Về thời hạn giải quyết: rút ngắn thời gian giải quyết từ 24 ngày làm việc giảm xuống còn 22 ngày làm việc kể từ khi nhận đủ hồ sơ hợp lệ. Số ngày cắt giảm: 02 ngày làm việc.

- *Lý do:* Việc cắt giảm thời gian giải quyết giúp tiết kiệm thời gian cho đối tượng thực hiện TTHC nhưng vẫn đảm bảo giải quyết TTHC kịp thời cho tổ chức, cá nhân; cắt giảm, đơn giản hoá biểu mẫu, thành phần sơ đồ trong thành phần hồ sơ tạo điều kiện thuận lợi cho doanh nghiệp, tổ chức; đơn giản hoá theo quy định tại theo Nghị quyết số 66/NQ-CP ngày 26/3/2025 của Chính phủ.

2. Kiến nghị thực thi:

Sửa đổi, bổ sung quy định tại Khoản 1, Điều 51 Nghị định 54/2024/NĐ-CP ngày 16/5/2024 của Chính phủ, Điều này được chỉnh sửa, Điều này được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại khoản 32 Điều 2 Nghị định số 23/2026/NĐ-CP.

3. Lợi ích phương án đơn giản hoá

*** Chi phí tuân thủ:**

- Chi phí tuân thủ TTHC trước khi đơn giản hóa: 1.099.260.000 đồng/năm
- Chi phí tuân thủ TTHC sau khi đơn giản hóa: 1.004.700.000 đồng/năm.
- Chi phí tiết kiệm: 94.560.000 đồng/năm.

- Tỷ lệ cắt giảm chi phí: 8,6%.

*** Thời gian giải quyết TTHC:**

- Thời gian giải quyết TTHC trước khi đơn giản hóa: 24 ngày làm việc.

- Thời gian giải quyết TTHC sau khi đơn giản hóa: 22 ngày làm việc.

- Thời gian giải quyết TTHC tiết kiệm: 02 ngày làm việc.

- Tỷ lệ cắt giảm thời gian xử lý hồ sơ: 8,33%.

4. Lộ trình thực hiện: Năm 2026 - 2027.

8. Điều chỉnh tiền cấp quyền khai thác tài nguyên nước, mã TTHC 1.004283.

Trường hợp nộp cùng hồ sơ điều chỉnh giấy phép tài nguyên nước

8.1. Nội dung đơn giản hoá:

- Về thời hạn giải quyết: rút ngắn thời gian giải quyết từ 24 ngày làm việc giảm xuống còn 22 ngày làm việc kể từ khi nhận đủ hồ sơ hợp lệ. Số ngày cắt giảm: 02 ngày làm việc.

- *Lý do:* Việc cắt giảm thời gian giải quyết giúp tiết kiệm thời gian cho đối tượng thực hiện TTHC nhưng vẫn đảm bảo giải quyết TTHC kịp thời cho tổ chức, cá nhân; cắt giảm, đơn giản hoá biểu mẫu, thành phần sơ đồ trong thành phần hồ sơ tạo điều kiện thuận lợi cho doanh nghiệp, tổ chức; đơn giản hoá theo quy định tại theo Nghị quyết số 66/NQ-CP ngày 26/3/2025 của Chính phủ.

8.2. Kiến nghị thực thi:

Sửa đổi, bổ sung quy định tại Khoản 2 Điều 52 Nghị định 54/2024/NĐ-CP ngày 16/5/2024 của Chính phủ, Điều này được chỉnh sửa, Điều này được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại khoản 33 Điều 2 Nghị định số 23/2026/NĐ-CP.

8.3. Lợi ích phương án đơn giản hoá

*** Chi phí tuân thủ:**

- Chi phí tuân thủ TTHC trước khi đơn giản hóa: 1.099.260.000 đồng/năm

- Chi phí tuân thủ TTHC sau khi đơn giản hóa: 1.004.700.000 đồng/năm.

- Chi phí tiết kiệm: 94.560.000 đồng/năm.

- Tỷ lệ cắt giảm chi phí: 8,6%.

*** Thời gian giải quyết TTHC:**

- Thời gian giải quyết TTHC trước khi đơn giản hóa: 24 ngày làm việc.

- Thời gian giải quyết TTHC sau khi đơn giản hóa: 22 ngày làm việc.

- Thời gian giải quyết TTHC tiết kiệm: 02 ngày làm việc.

- Tỷ lệ cắt giảm thời gian xử lý hồ sơ: 8,33%.

8.4. Lộ trình thực hiện: Năm 2026 - 2027.

9. Lấy ý kiến về tác động của công trình khai thác nước, mã TTHC 1.013799.

9.1. Nội dung đơn giản hoá:

- Về thời hạn giải quyết: rút ngắn thời gian giải quyết từ 26 ngày làm việc giảm xuống còn 22 ngày làm việc kể từ khi nhận đủ hồ sơ hợp lệ. Số ngày cắt giảm: 04 ngày làm việc.

- *Lý do:* Việc cắt giảm thời gian giải quyết giúp tiết kiệm thời gian cho đối tượng thực hiện TTHC nhưng vẫn đảm bảo giải quyết TTHC kịp thời cho tổ chức, cá nhân; cắt giảm, đơn giản hoá biểu mẫu, thành phần sơ đồ trong thành phần hồ sơ tạo điều kiện thuận lợi cho doanh nghiệp, tổ chức; đơn giản hoá theo quy định tại theo Nghị quyết số 66/NQ-CP ngày 26/3/2025 của Chính phủ.

9.2. Kiến nghị thực thi:

Sửa đổi, bổ sung quy định tại Khoản 5 Điều 3 Nghị định 54/2024/NĐ-CP ngày 16/5/2024 của Chính phủ, Điều này được chỉnh sửa, Điều này được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại Khoản 2 Điều 2 Nghị định số 23/2026/NĐ-CP.

9.3. Lợi ích phương án đơn giản hoá

*** Chi phí tuân thủ:**

- Chi phí tuân thủ TTHC trước khi đơn giản hóa: 35.814.600 đồng/năm
- Chi phí tuân thủ TTHC sau khi đơn giản hóa: 29.963.700 đồng/năm.
- Chi phí tiết kiệm: 5.850.900,00 đồng/năm.
- Tỷ lệ cắt giảm chi phí: 16,34%.

*** Thời gian giải quyết TTHC:**

- Thời gian giải quyết TTHC trước khi đơn giản hóa: 24 ngày làm việc.
- Thời gian giải quyết TTHC sau khi đơn giản hóa: 22 ngày làm việc.
- Thời gian giải quyết TTHC tiết kiệm: 02 ngày làm việc.
- Tỷ lệ cắt giảm thời gian xử lý hồ sơ: 15,38%.

9.4. Lộ trình thực hiện: Năm 2026 - 2027.

V. LĨNH VỰC THỦY LỢI

1. Phê duyệt phương án bảo vệ công trình thủy lợi thuộc thẩm quyền của Chủ tịch UBND cấp tỉnh, Mã thủ tục: 1.014847.

1.1. Nội dung đơn giản hóa

Giảm thời gian thực hiện TTHC từ 22 ngày làm việc xuống 17 ngày làm việc.

Lý do: Việc rút ngắn thời gian xử lý hồ sơ, uỷ quyền cho Sở Nông nghiệp và Môi trường thực hiện để nâng cao hiệu quả quản lý nhà nước và tạo thuận lợi hơn cho người dân, doanh nghiệp; cắt giảm quy trình, thời gian giải quyết thủ tục hành chính tại bước của Chủ tịch UBND tỉnh.

1.2. Kiến nghị thực thi

- Sửa đổi thời gian thực hiện tại điểm a, khoản 3 điều 13 Nghị định số 40/2026/NĐ-CP;

- Sửa đổi thời gian thực hiện TTHC và quy định việc ủy quyền thực hiện thủ tục hành chính tại Quyết định số 498/QĐ-BNNMT ngày 09/02/2026 của Bộ Nông nghiệp và Môi trường về việc công bố thủ tục hành chính lĩnh vực thủy lợi thuộc phạm vi chức năng quản lý nhà nước của Bộ Nông nghiệp và Môi trường; cắt giảm quy trình giải quyết thủ tục hành chính.

1.3. Lợi ích phương án đơn giản hóa

* Chi phí tuân thủ:

- Chi phí tuân thủ TTHC trước khi đơn giản hóa: 65.896.500 đồng/năm.

- Chi phí tuân thủ TTHC sau khi đơn giản hóa: 33.096.000 đồng/năm.

- Chi phí tiết kiệm: 32.800.500 đồng/năm.

- Tỷ lệ cắt giảm chi phí: 49,77%.

* Thời gian thực hiện TTHC:

- Thời gian giải quyết TTHC trước khi đơn giản hóa: 22 ngày làm việc.

- Thời gian giải quyết TTHC sau khi đơn giản hóa: 17 ngày làm việc.

- Thời gian giải quyết TTHC tiết kiệm: 5 ngày làm việc.

- Tỷ lệ cắt giảm thời gian: 22,73%.

1.4. Lộ trình thực hiện: Năm 2026 - 2027

2. Thẩm định quy trình vận hành đối với công trình thủy lợi lớn và công trình thủy lợi vừa do Chủ tịch UBND cấp tỉnh phê duyệt, Mã thủ tục: 1.003867.

2.1. Nội dung đơn giản hóa

Giảm thời gian thực hiện TTHC từ 20 ngày làm việc xuống 15 ngày làm việc.

Lý do: Việc rút ngắn thời gian xử lý hồ sơ, ủy quyền cho Sở Nông nghiệp và Môi trường thực hiện để nâng cao hiệu quả quản lý nhà nước và tạo thuận lợi hơn cho người dân, doanh nghiệp; cắt giảm quy trình, thời gian giải quyết thủ tục hành chính tại bước của Chủ tịch UBND tỉnh.

2.2. Kiến nghị thực thi

- Sửa đổi thời gian thực hiện tại điểm b, khoản 4 điều 7 Thông tư số 08/2026/BNNMT;

- Sửa đổi thời gian thực hiện TTHC và quy định việc ủy quyền thực hiện thủ tục hành chính tại Quyết định số 498/QĐ-BNNMT ngày 09/02/2026 của Bộ Nông nghiệp và Môi trường về việc công bố thủ tục hành chính lĩnh vực thủy lợi

thuộc phạm vi chức năng quản lý nhà nước của Bộ Nông nghiệp và Môi trường; cắt giảm quy trình giải quyết thủ tục hành chính.

2.3. Lợi ích phương án đơn giản hóa

* Chi phí tuân thủ:

- Chi phí tuân thủ TTHC trước khi đơn giản hóa: 65.896.500 đồng/năm.
- Chi phí tuân thủ TTHC sau khi đơn giản hóa: 33.096.000 đồng/năm.
- Chi phí tiết kiệm: 32.800.500 đồng/năm.
- Tỷ lệ cắt giảm chi phí: 49,77%.

* Thời gian thực hiện TTHC:

- Thời gian giải quyết TTHC trước khi đơn giản hóa: 20 ngày làm việc.
- Thời gian giải quyết TTHC sau khi đơn giản hóa: 15 ngày làm việc.
- Thời gian giải quyết TTHC tiết kiệm: 5 ngày làm việc.
- Tỷ lệ cắt giảm thời gian: 25%.

2.4. Lộ trình thực hiện: Năm 2026 - 2027

3. Phê duyệt phương án, cấm mốc chỉ giới phạm vi bảo vệ công trình thủy lợi do Chủ tịch UBND cấp tỉnh phê duyệt, Mã thủ tục: 2.001804.

3.1. Nội dung đơn giản hóa

Giảm thời gian thực hiện TTHC từ 18 ngày làm việc xuống 15 ngày làm việc.

Lý do: Việc rút ngắn thời gian xử lý hồ sơ, ủy quyền cho Sở Nông nghiệp và Môi trường thực hiện để nâng cao hiệu quả quản lý nhà nước và tạo thuận lợi hơn cho người dân, doanh nghiệp; cắt giảm quy trình, thời gian giải quyết thủ tục hành chính tại bước của Chủ tịch UBND tỉnh.

3.2. Kiến nghị thực thi

- Sửa đổi thời gian thực hiện tại điểm b, khoản 3 điều 23 Thông tư số 08/2026/BNNMT;

- Sửa đổi thời gian thực hiện TTHC và quy định việc ủy quyền thực hiện thủ tục hành chính tại Quyết định số 498/QĐ-BNNMT ngày 09/02/2026 của Bộ Nông nghiệp và Môi trường về việc công bố thủ tục hành chính lĩnh vực thủy lợi thuộc phạm vi chức năng quản lý nhà nước của Bộ Nông nghiệp và Môi trường; cắt giảm quy trình giải quyết thủ tục hành chính.

3.3. Lợi ích phương án đơn giản hóa

* Chi phí tuân thủ:

- Chi phí tuân thủ TTHC trước khi đơn giản hóa: 64.123.500 đồng/năm.
- Chi phí tuân thủ TTHC sau khi đơn giản hóa: 32.209.500 đồng/năm.
- Chi phí tiết kiệm: 31.914.000 đồng/năm.

- Tỷ lệ cắt giảm chi phí: 49,76%.
- * Thời gian thực hiện TTHC:
 - Thời gian giải quyết TTHC trước khi đơn giản hóa: 18 ngày làm việc.
 - Thời gian giải quyết TTHC sau khi đơn giản hóa: 15 ngày làm việc.
 - Thời gian giải quyết TTHC tiết kiệm: 3 ngày làm việc.
- Tỷ lệ cắt giảm thời gian: 16,66%.

3.4. Lộ trình thực hiện: Năm 2026 - 2027

4. Thẩm định, phê duyệt phương án ứng phó thiên tai cho công trình, vùng hạ du đập trong quá trình thi công thuộc thẩm quyền của UBND cấp tỉnh, Mã thủ tục: 1.003211.

4.1. Nội dung đơn giản hóa

Giảm thời gian thực hiện TTHC từ 20 ngày làm việc xuống 15 ngày làm việc.

Lý do: Việc rút ngắn thời gian xử lý hồ sơ, ủy quyền cho Sở Nông nghiệp và Môi trường thực hiện để nâng cao hiệu quả quản lý nhà nước và tạo thuận lợi hơn cho người dân, doanh nghiệp; cắt giảm quy trình, thời gian giải quyết thủ tục hành chính tại bước của Chủ tịch UBND tỉnh.

4.2. Kiến nghị thực thi

- Sửa đổi thời gian thực hiện tại điểm a, khoản 3 điều 7 Nghị định số 114/2018/NĐ-CP ngày 04/9/2018;

- Sửa đổi thời gian thực hiện TTHC và quy định việc ủy quyền thực hiện thủ tục hành chính tại Quyết định số 498/QĐ-BNNMT ngày 09/02/2026 của Bộ Nông nghiệp và Môi trường về việc công bố thủ tục hành chính lĩnh vực thủy lợi thuộc phạm vi chức năng quản lý nhà nước của Bộ Nông nghiệp và Môi trường; cắt giảm quy trình giải quyết thủ tục hành chính.

4.3. Lợi ích phương án đơn giản hóa

- * Chi phí tuân thủ:

- Chi phí tuân thủ TTHC trước khi đơn giản hóa: 54.076.500 đồng/năm.
- Chi phí tuân thủ TTHC sau khi đơn giản hóa: 27.186.000 đồng/năm.
- Chi phí tiết kiệm: 26.890.500 đồng/năm.
- Tỷ lệ cắt giảm chi phí: 49,27%.

- * Thời gian thực hiện TTHC:

- Thời gian giải quyết TTHC trước khi đơn giản hóa: 20 ngày làm việc.
- Thời gian giải quyết TTHC sau khi đơn giản hóa: 15 ngày làm việc.
- Thời gian giải quyết TTHC tiết kiệm: 5 ngày làm việc.
- Tỷ lệ cắt giảm thời gian: 25%.

4.4. Lộ trình thực hiện: Năm 2026 - 2027

5. Thẩm định, phê duyệt phương án ứng phó với tình huống khẩn cấp thuộc thẩm quyền của UBND cấp tỉnh, Mã thủ tục: 1.003203.

5.1. Nội dung đơn giản hóa

Giảm thời gian thực hiện TTHC từ 20 ngày làm việc xuống 15 ngày làm việc.

Lý do: Việc rút ngắn thời gian xử lý hồ sơ, ủy quyền cho Sở Nông nghiệp và Môi trường thực hiện để nâng cao hiệu quả quản lý nhà nước và tạo thuận lợi hơn cho người dân, doanh nghiệp; cắt giảm quy trình, thời gian giải quyết thủ tục hành chính tại bước của Chủ tịch UBND tỉnh.

5.2. Kiến nghị thực thi

- Sửa đổi thời gian thực hiện tại điểm b, khoản 3 điều 26 Nghị định số 114/2018/NĐ-CP ngày 04/9/2018;

- Sửa đổi thời gian thực hiện TTHC và quy định việc ủy quyền thực hiện thủ tục hành chính tại Quyết định số 498/QĐ-BNNMT ngày 09/02/2026 của Bộ Nông nghiệp và Môi trường về việc công bố thủ tục hành chính lĩnh vực thủy lợi thuộc phạm vi chức năng quản lý nhà nước của Bộ Nông nghiệp và Môi trường; cắt giảm quy trình giải quyết thủ tục hành chính.

5.3. Lợi ích phương án đơn giản hóa

* Chi phí tuân thủ:

- Chi phí tuân thủ TTHC trước khi đơn giản hóa: 65.896.500 đồng/năm.

- Chi phí tuân thủ TTHC sau khi đơn giản hóa: 33.096.000 đồng/năm.

- Chi phí tiết kiệm: 32.800.500 đồng/năm.

- Tỷ lệ cắt giảm chi phí: 49,77%.

* Thời gian thực hiện TTHC:

- Thời gian giải quyết TTHC trước khi đơn giản hóa: 20 ngày làm việc.

- Thời gian giải quyết TTHC sau khi đơn giản hóa: 15 ngày làm việc.

- Thời gian giải quyết TTHC tiết kiệm: 5 ngày làm việc.

- Tỷ lệ cắt giảm thời gian: 25%.

5.4. Lộ trình thực hiện: Năm 2026 - 2027

VI. LĨNH VỰC ĐỀ ĐIỀU PHÒNG CHỐNG THIÊN TAI

1. Cấp phép đối với các hoạt động liên quan đến đề điều thuộc trách nhiệm của Ủy ban nhân dân tỉnh, Mã thủ tục: 1.013644.

1.1. Nội dung đơn giản hóa

Giảm thời gian thực hiện TTHC từ 20 ngày làm việc xuống 15 ngày làm việc.

Lý do: Việc rút ngắn thời gian xử lý hồ sơ, ủy quyền cho Sở Nông nghiệp và Môi trường thực hiện để nâng cao hiệu quả quản lý nhà nước và tạo thuận lợi hơn cho người dân, doanh nghiệp; cắt giảm quy trình, thời gian giải quyết thủ tục hành chính tại bước của Chủ tịch UBND tỉnh.

1.2. Kiến nghị thực thi

Sửa đổi thời gian thực hiện TTHC và quy định việc ủy quyền thực hiện thủ tục hành chính tại Quyết định số 494/QĐ-BNNMT ngày 06/02/2026 của Bộ Nông nghiệp và Môi trường về việc công bố thủ tục hành chính lĩnh vực quản lý đê điều và phòng, chống thiên tai thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Nông nghiệp và Môi trường.

1.3. Lợi ích phương án đơn giản hóa

* Chi phí tuân thủ:

- Chi phí tuân thủ TTHC trước khi đơn giản hóa: 32.209.500 đồng/năm.
- Chi phí tuân thủ TTHC sau khi đơn giản hóa: 16.252.500 đồng/năm.
- Chi phí tiết kiệm: 15.957.000 đồng/năm.
- Tỷ lệ cắt giảm chi phí: 49,54%.

* Thời gian thực hiện TTHC:

- Thời gian giải quyết TTHC trước khi đơn giản hóa: 20 ngày làm việc.
- Thời gian giải quyết TTHC sau khi đơn giản hóa: 15 ngày làm việc.
- Thời gian giải quyết TTHC tiết kiệm: 5 ngày làm việc.
- Tỷ lệ cắt giảm thời gian: 25%.

1.4. Lộ trình thực hiện: Năm 2026 - 2027

VII. LĨNH VỰC MÔI TRƯỜNG

1. Cấp giấy phép môi trường - Mã TTHC 1.010727

1.1. Nội dung đơn giản hoá:

- Về thời hạn giải quyết: rút ngắn thời gian giải quyết từ 20 ngày giảm xuống còn 15 ngày kể từ khi nhận đủ hồ sơ hợp lệ. Số ngày cắt giảm: 05 ngày. Tuy nhiên, đề xuất giảm thêm 02 ngày.

- Lý do: Việc cắt giảm thời gian giải quyết giúp tiết kiệm thời gian cho đối tượng thực hiện TTHC nhưng vẫn đảm bảo giải quyết thủ tục hành chính (TTHC) kịp thời cho tổ chức, cá nhân; đơn giản hoá theo quy định tại theo Nghị quyết số 66/NQ-CP ngày 26/3/2025 của Chính phủ. Cắt giảm, đơn giản hoá thời gian (cắt giảm thời gian của chủ tịch UBND tỉnh và thời gian vận chuyển lên Tỉnh) vì đã được ủy quyền cho Giám đốc Sở NN&MT thực hiện thẩm định và phê duyệt tại Quyết định số 1372/QĐ-UBND ngày 07/4/2026 của Chủ tịch UBND tỉnh.

1.2. Kiến nghị thực thi:

Sửa đổi, bổ sung quy định tại Điều 9, Điều 10, Điều 11, Điều 12 Thông tư số 09/2026/TT-BNNMT ngày 29/01/2026 của Bộ Nông nghiệp và Môi trường.

1.3. Lợi ích phương án đơn giản hoá

*** Chi phí tuân thủ:**

- Chi phí tuân thủ TTHC trước khi đơn giản hóa: 373.060.000 đồng/năm
- Chi phí tuân thủ TTHC sau khi đơn giản hóa: 213.125.000 đồng/năm.
- Chi phí tiết kiệm: 159.935.000đồng/năm.
- Tỷ lệ cắt giảm chi phí: 43 %.

*** Thời gian giải quyết TTHC:**

- Thời gian giải quyết TTHC trước khi đơn giản hóa: 20 ngày.
- Thời gian giải quyết TTHC sau khi đơn giản hóa: 13 ngày.
- Thời gian giải quyết TTHC tiết kiệm: 07 ngày.
- Tỷ lệ cắt giảm thời gian xử lý hồ sơ: 35%.

1.4. Lộ trình thực hiện: Năm 2025 - 2026.

2. Cấp điều chỉnh giấy phép môi trường - Mã TTHC 1.010729

2.1. Nội dung đơn giản hoá:

- Về thời hạn giải quyết: rút ngắn thời gian giải quyết từ 25 ngày giảm xuống còn 15 ngày kể từ khi nhận đủ hồ sơ hợp lệ. Số ngày cắt giảm: 05 ngày. Tuy nhiên, đề xuất giảm thêm 02 ngày.

- *Lý do:* Việc cắt giảm thời gian giải quyết giúp tiết kiệm thời gian cho đối tượng thực hiện TTHC nhưng vẫn đảm bảo giải quyết thủ tục hành chính (TTHC) kịp thời cho tổ chức, cá nhân; đơn giản hoá theo quy định tại theo Nghị quyết số 66/NQ-CP ngày 26/3/2025 của Chính phủ. Cắt giảm, đơn giản hoá thời gian (cắt giảm thời gian của chủ tịch UBND tỉnh và thời gian vận chuyển lên Tỉnh) vì đã được uỷ quyền cho Giám đốc thực hiện thẩm định và phê duyệt tại Quyết định số 1372/QĐ-UBND ngày 07/4/2026 của Chủ tịch UBND tỉnh.

2.2. Kiến nghị thực thi:

Sửa đổi, bổ sung quy định tại Điều 9, Điều 10, Điều 11, Điều 12 Thông tư số 09/2026/TT-BNNMT ngày 29/01/2026 thực hiện thẩm định và phê duyệt.

2.3. Lợi ích phương án đơn giản hoá

*** Chi phí tuân thủ:**

- Chi phí tuân thủ TTHC trước khi đơn giản hóa: 101.947.500 đồng/năm
- Chi phí tuân thủ TTHC sau khi đơn giản hóa: 41.665.500 đồng/năm.
- Chi phí tiết kiệm: 60.282.000 đồng/năm.
- Tỷ lệ cắt giảm chi phí: 59,13 %.

*** Thời gian giải quyết TTHC:**

- Thời gian giải quyết TTHC trước khi đơn giản hóa: 25 ngày.
- Thời gian giải quyết TTHC sau khi đơn giản hóa: 13 ngày.
- Thời gian giải quyết TTHC tiết kiệm: 12 ngày.
- Tỷ lệ cắt giảm thời gian xử lý hồ sơ: 48 %.

2.4. Lộ trình thực hiện: Năm 2025 - 2026.

3. Cấp lại giấy phép môi trường - Mã TTHC 1.010730

3.1. Nội dung đơn giản hoá:

- Về thời hạn giải quyết: rút ngắn thời gian giải quyết từ 20 ngày giảm xuống còn 15 ngày kể từ khi nhận đủ hồ sơ hợp lệ. Số ngày cắt giảm: 05 ngày. Tuy nhiên, đề xuất giảm thêm 02 ngày.

- *Lý do:* Việc cắt giảm thời gian giải quyết giúp tiết kiệm thời gian cho đối tượng thực hiện TTHC nhưng vẫn đảm bảo giải quyết thủ tục hành chính (TTHC) kịp thời cho tổ chức, cá nhân; đơn giản hoá theo quy định tại theo Nghị quyết số 66/NQ-CP ngày 26/3/2025 của Chính phủ. Cắt giảm, đơn giản hoá thời gian (cắt giảm thời gian của chủ tịch UBND tỉnh và thời gian vận chuyển lên Tỉnh) vì đã được uỷ quyền cho Giám đốc Sở NN&MT thực hiện thẩm định và phê duyệt tại Quyết định số 1372/QĐ-UBND ngày 07/4/2026 của Chủ tịch UBND tỉnh.

3.2. Kiến nghị thực thi:

Sửa đổi, bổ sung quy định tại Điều 9, Điều 10, Điều 11, Điều 12 Thông tư số 09/2026/TT-BNNMT ngày 29/01/2026 của Bộ Nông nghiệp và Môi trường.

3.3. Lợi ích phương án đơn giản hoá

*** Chi phí tuân thủ:**

- Chi phí tuân thủ TTHC trước khi đơn giản hóa: 55.811.200 đồng/năm
- Chi phí tuân thủ TTHC sau khi đơn giản hóa: 27.551.000 đồng/năm.
- Chi phí tiết kiệm: 28.260.200 đồng/năm.
- Tỷ lệ cắt giảm chi phí: 50,6 %.

*** Thời gian giải quyết TTHC:**

- Thời gian giải quyết TTHC trước khi đơn giản hóa: 20 ngày.
- Thời gian giải quyết TTHC sau khi đơn giản hóa: 13 ngày.
- Thời gian giải quyết TTHC tiết kiệm: 07 ngày.
- Tỷ lệ cắt giảm thời gian xử lý hồ sơ: 35 %.

3.4. Lộ trình thực hiện: Năm 2025 - 2026.

4. Thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường - Mã TTHC 1.010733

4.1. Nội dung đơn giản hoá:

- Về thời hạn giải quyết: rút ngắn thời gian giải quyết từ 50 ngày giảm xuống còn 35 ngày kể từ khi nhận đủ hồ sơ hợp lệ. Số ngày cắt giảm: 15 ngày. Tuy nhiên, đề xuất giảm thêm 03 ngày.

- *Lý do:* Việc cắt giảm thời gian giải quyết giúp tiết kiệm thời gian cho đối tượng thực hiện TTHC nhưng vẫn đảm bảo giải quyết thủ tục hành chính (TTHC) kịp thời cho tổ chức, cá nhân; đơn giản hoá theo quy định tại theo Nghị quyết số 66/NQ-CP ngày 26/3/2025 của Chính phủ. Cắt giảm, đơn giản hoá thời gian (cắt giảm thời gian của chủ tịch UBND tỉnh và thời gian vận chuyển lên Tỉnh) vì đã được uỷ quyền cho Giám đốc Sở NN&MT thực hiện thẩm định và phê duyệt tại Quyết định số 1372/QĐ-UBND ngày 07/4/2026 của Chủ tịch UBND tỉnh.

4.2. Kiến nghị thực thi:

Quy định tại Khoản 3 Điều 35 Luật Bảo vệ môi trường được sửa đổi bổ sung tại điểm 3 khoản 7 Điều 1 Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của 15 Luật trong lĩnh vực Nông nghiệp và Môi trường; Khoản 1 Điều 7 Nghị định số 48/2026/NĐ-CP ngày 29/01/2026 sửa đổi bổ sung một số điều của Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 05/2025/NĐ-CP ngày 06/01/2025.

4.3. Lợi ích phương án đơn giản hoá

*** Chi phí tuân thủ:**

- Chi phí tuân thủ TTHC trước khi đơn giản hóa: 22.715.200 đồng/năm
- Chi phí tuân thủ TTHC sau khi đơn giản hóa: 11.889.500 đồng/năm.
- Chi phí tiết kiệm: 10.852.700 đồng/năm.
- Tỷ lệ cắt giảm chi phí: 45 %.

*** Thời gian giải quyết TTHC:**

- Thời gian giải quyết TTHC trước khi đơn giản hóa: 50 ngày.
- Thời gian giải quyết TTHC sau khi đơn giản hóa: 32 ngày.
- Thời gian giải quyết TTHC tiết kiệm: 18 ngày.
- Tỷ lệ cắt giảm thời gian xử lý hồ sơ: 36 %.

4.4. Lộ trình thực hiện: Năm 2026 - 2027.

5. Thẩm định phương án cải tạo phục hồi môi trường trong hoạt động khai thác khoáng sản (báo cáo riêng theo quy định tại Khoản 2 Điều 36 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP) - Mã TTHC 1.010735

5.1. Nội dung đơn giản hoá:

- Đề xuất bãi bỏ.

- *Lý do*: trong năm 2026 không phát sinh hồ sơ.

5.2. Kiến nghị thực thi:

Quy định tại điểm b khoản 8 Điều 36 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường.

5.3. Lợi ích phương án đơn giản hóa

*** Chi phí tuân thủ:**

- Chi phí tuân thủ TTHC trước khi đơn giản hóa: 20.965.200 đồng/năm
- Chi phí tuân thủ TTHC sau khi đơn giản hóa: 0 đồng/năm.
- Chi phí tiết kiệm: 20.965.200 đồng/năm.
- Tỷ lệ cắt giảm chi phí: 100 %.

*** Thời gian giải quyết TTHC:**

- Thời gian giải quyết TTHC trước khi đơn giản hóa: 45 ngày.
- Thời gian giải quyết TTHC sau khi đơn giản hóa: 00 ngày.
- Thời gian giải quyết TTHC tiết kiệm: 45 ngày.
- Tỷ lệ cắt giảm thời gian xử lý hồ sơ: 100 %.

5.4. Lộ trình thực hiện: Năm 2026 - 2027.

VIII. LĨNH VỰC TRỒNG TRỌT

1. Cấp, cấp lại mã số vùng trồng, mã số cơ sở đóng gói. Mã TTHC 1.014776

1.1. Nội dung đơn giản hóa

- Đề nghị cắt giảm thời gian giải quyết TTHC: 01 ngày làm việc.
- *Lý do*: Cắt giảm thời gian để tạo điều kiện thuận lợi cho doanh nghiệp, tổ chức.

1.2. Kiến nghị thực thi

Điểm c, khoản 4 Điều 8, Nghị định số 38/2026/NĐ-CP ngày 24/01/2026 quy định về nhập khẩu cây mang theo bầu đất và mã số vùng trồng, mã số cơ sở đóng gói.

1.3. Lợi ích phương án đơn giản hóa

*** Chi phí tuân thủ:**

- Chi phí tuân thủ TTHC trước khi đơn giản hóa: 516.547.200 đồng/năm
- Chi phí tuân thủ TTHC sau khi đơn giản hóa: 473.501.600 đồng/năm.
- Chi phí tiết kiệm: 43.045.600 đồng/năm.
- Tỷ lệ cắt giảm chi phí: 8,3%.

*** Thời gian giải quyết TTHC:**

- Thời gian giải quyết TTHC trước khi đơn giản hóa: 12 ngày làm việc
- Thời gian giải quyết TTHC sau khi đơn giản hóa: 11 ngày làm việc.
- Thời gian giải quyết TTHC tiết kiệm: 01 ngày làm việc.
- Tỷ lệ cắt giảm thời gian xử lý hồ sơ: 8,33%.

1.4. Lộ trình thực hiện: Năm 2026 - 2027.

2. Cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện sản xuất thuốc bảo vệ thực vật. Mã TTHC 2.001427

2.1. Nội dung đơn giản hóa

- Đề nghị cắt giảm thời gian giải quyết TTHC: 02 ngày làm việc.
- **Lý do:** Cắt giảm thời gian để tạo điều kiện thuận lợi cho doanh nghiệp, tổ chức.

2.2. Kiến nghị thực thi

Điểm d khoản 3 Điều 2 Nghị định số 33/2026/NĐ-CP ngày 21 tháng 01 năm 2026 sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định trong lĩnh vực trồng trọt và bảo vệ thực vật.

2.3. Lợi ích phương án đơn giản hóa

*** Chi phí tuân thủ:**

- Chi phí tuân thủ TTHC trước khi đơn giản hóa: 53.807.000 đồng/năm
- Chi phí tuân thủ TTHC sau khi đơn giản hóa: 49.502.440 đồng/năm.
- Chi phí tiết kiệm: 4.304.560 đồng/năm.
- Tỷ lệ cắt giảm chi phí: 8%.

*** Thời gian giải quyết TTHC:**

- Thời gian giải quyết TTHC trước khi đơn giản hóa: 25 ngày làm việc
- Thời gian giải quyết TTHC sau khi đơn giản hóa: 23 ngày làm việc.
- Thời gian giải quyết TTHC tiết kiệm: 02 ngày làm việc.
- Tỷ lệ cắt giảm thời gian xử lý hồ sơ: 8%.

2.4. Lộ trình thực hiện: Năm 2026 - 2027.

3. Cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện sản xuất thuốc bảo vệ thực vật. Mã TTHC 1.002560

3.1. Nội dung đơn giản hóa

- Đề nghị cắt giảm thời gian giải quyết TTHC: 02 ngày làm việc.
- **Lý do:** Cắt giảm thời gian để tạo điều kiện thuận lợi cho doanh nghiệp, tổ chức.

3.2. Kiến nghị thực thi

Điểm d khoản 3, khoản 6 Điều 2 Nghị định số 33/2026/NĐ-CP ngày 21 tháng 01 năm 2026 sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định trong lĩnh vực trồng trọt và bảo vệ thực vật.

3.3. Lợi ích phương án đơn giản hóa

*** Chi phí tuân thủ:**

- Chi phí tuân thủ TTHC trước khi đơn giản hóa: 53.807.000 đồng/năm
- Chi phí tuân thủ TTHC sau khi đơn giản hóa: 49.502.440 đồng/năm.
- Chi phí tiết kiệm: 4.304.560 đồng/năm.
- Tỷ lệ cắt giảm chi phí: 8%.

*** Thời gian giải quyết TTHC:**

- Thời gian giải quyết TTHC trước khi đơn giản hóa: 25 ngày làm việc
- Thời gian giải quyết TTHC sau khi đơn giản hóa: 23 ngày làm việc.
- Thời gian giải quyết TTHC tiết kiệm: 02 ngày làm việc.
- Tỷ lệ cắt giảm thời gian xử lý hồ sơ: 8%.

3.4. Lộ trình thực hiện: Năm 2026 - 2027.

4. Cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện buôn bán thuốc bảo vệ thực vật. Mã TTHC 1.004363

4.1. Nội dung đơn giản hóa

- Đề nghị cắt giảm thời gian giải quyết TTHC: 01 ngày làm việc.
- **Lý do:** Cắt giảm thời gian để tạo điều kiện thuận lợi cho doanh nghiệp, tổ chức.

4.2. Kiến nghị thực thi

Điểm d khoản 3 Điều 3 Nghị định số 33/2026/NĐ-CP ngày 21 tháng 01 năm 2026 về sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định trong lĩnh vực trồng trọt và bảo vệ thực vật.

4.3. Lợi ích phương án đơn giản hóa

*** Chi phí tuân thủ:**

- Chi phí tuân thủ TTHC trước khi đơn giản hóa: 645.684.000 đồng/năm
- Chi phí tuân thủ TTHC sau khi đơn giản hóa: 602.638.400 đồng/năm.
- Chi phí tiết kiệm: 43.045.600 đồng/năm.
- Tỷ lệ cắt giảm chi phí: 6,6%.

*** Thời gian giải quyết TTHC:**

- Thời gian giải quyết TTHC trước khi đơn giản hóa: 15 ngày làm việc

- Thời gian giải quyết TTHC sau khi đơn giản hóa: 14 ngày làm việc.
- Thời gian giải quyết TTHC tiết kiệm: 01 ngày làm việc.
- Tỷ lệ cắt giảm thời gian xử lý hồ sơ: 6.67%.

4.4. Lộ trình thực hiện: Năm 2026 - 2027.

5. Cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện buôn bán thuốc bảo vệ thực vật. Mã TTHC 1.004346

5.1. Nội dung đơn giản hóa

- Đề nghị cắt giảm thời gian giải quyết TTHC: 01 ngày làm việc.
- **Lý do:** Cắt giảm thời gian để tạo điều kiện thuận lợi cho doanh nghiệp, tổ chức.

5.2. Kiến nghị thực thi

Điểm d khoản 3, khoản 6 Điều 3 Nghị định số 33/2026/NĐ-CP ngày 21 tháng 01 năm 2026 về sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định trong lĩnh vực trồng trọt và bảo vệ thực vật.

5.3. Lợi ích phương án đơn giản hóa

*** Chi phí tuân thủ:**

- Chi phí tuân thủ TTHC trước khi đơn giản hóa: 645.684.000 đồng/năm
- Chi phí tuân thủ TTHC sau khi đơn giản hóa: 602.638.400 đồng/năm.
- Chi phí tiết kiệm: 43.045.600 đồng/năm.
- Tỷ lệ cắt giảm chi phí: 6,6%.

*** Thời gian giải quyết TTHC:**

- Thời gian giải quyết TTHC trước khi đơn giản hóa: 15 ngày làm việc
- Thời gian giải quyết TTHC sau khi đơn giản hóa: 14 ngày làm việc.
- Thời gian giải quyết TTHC tiết kiệm: 01 ngày làm việc.
- Tỷ lệ cắt giảm thời gian xử lý hồ sơ: 6,67%.

5.4. Lộ trình thực hiện: Năm 2026 - 2027.

6. Cấp, cấp lại Quyết định công nhận tổ chức khảo nghiệm giống cây trồng. Mã TTHC 1.007998

6.1. Nội dung đơn giản hóa

- Đề nghị cắt giảm thời gian giải quyết TTHC: 01 ngày làm việc.
- **Lý do:** Cắt giảm thời gian để tạo điều kiện thuận lợi cho doanh nghiệp, tổ chức.

6.2. Kiến nghị thực thi

Điểm c1, khoản 3 Điều 15 Nghị định số 33/2026/NĐ-CP ngày 21 tháng 01 năm 2026 về sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định trong lĩnh vực trồng trọt và bảo vệ thực vật.

6.3. Lợi ích phương án đơn giản hóa

*** Chi phí tuân thủ:**

- Chi phí tuân thủ TTHC trước khi đơn giản hóa: 17.218.240 đồng/năm
- Chi phí tuân thủ TTHC sau khi đơn giản hóa: 16.357.328 đồng/năm.
- Chi phí tiết kiệm: 860.912 đồng/năm.
- Tỷ lệ cắt giảm chi phí: 5%.

*** Thời gian giải quyết TTHC:**

- Thời gian giải quyết TTHC trước khi đơn giản hóa: 20 ngày làm việc
- Thời gian giải quyết TTHC sau khi đơn giản hóa: 19 ngày làm việc.
- Thời gian giải quyết TTHC tiết kiệm: 01 ngày làm việc.
- Tỷ lệ cắt giảm thời gian xử lý hồ sơ: 5%.

6.4. Lộ trình thực hiện: Năm 2026 - 2027.

7. Cấp Chứng chỉ hành nghề dịch vụ đại diện quyền đối với giống cây trồng. Mã TTHC 1.012072

7.1. Nội dung đơn giản hóa

- Đề nghị cắt giảm thời gian giải quyết TTHC: 01 ngày làm việc.
- **Lý do:** Cắt giảm thời gian để tạo điều kiện thuận lợi cho doanh nghiệp, tổ chức.

7.2. Kiến nghị thực thi

Điểm c khoản 2 Điều 23, Nghị định số 33/2026/NĐ-CP ngày 21/01/2026

7.3. Lợi ích phương án đơn giản hóa

*** Chi phí tuân thủ:**

- Chi phí tuân thủ TTHC trước khi đơn giản hóa: 5.168.472 đồng/năm
- Chi phí tuân thủ TTHC sau khi đơn giản hóa: 4.304.560 đồng/năm.
- Chi phí tiết kiệm: 860.912 đồng/năm.
- Tỷ lệ cắt giảm chi phí: 16,7%.

*** Thời gian giải quyết TTHC:**

- Thời gian giải quyết TTHC trước khi đơn giản hóa: 06 ngày làm việc
- Thời gian giải quyết TTHC sau khi đơn giản hóa: 05 ngày làm việc.
- Thời gian giải quyết TTHC tiết kiệm: 01 ngày làm việc.
- Tỷ lệ cắt giảm thời gian xử lý hồ sơ: 16,7%.

7.4. Lộ trình thực hiện: Năm 2026 - 2027.

8. Chuyển giao quyền sử dụng giống cây trồng được bảo hộ theo quyết định bắt buộc. Mã TTHC 1.012070

8.1. Nội dung đơn giản hóa

- Đề nghị cắt giảm thời gian giải quyết TTHC: 01 ngày.
- **Lý do:** Cắt giảm thời gian để tạo điều kiện thuận lợi cho doanh nghiệp, tổ chức.

8.2. Kiến nghị thực thi

Điểm b1, khoản 2 Điều 20 Nghị định số 33/2026/NĐ-CP ngày 21 tháng 01 năm 2026; về sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định trong lĩnh vực trồng trọt và bảo vệ thực vật.

8.3. Lợi ích phương án đơn giản hóa

*** Chi phí tuân thủ:**

- Chi phí tuân thủ TTHC trước khi đơn giản hóa: 10.330.944 đồng/năm
- Chi phí tuân thủ TTHC sau khi đơn giản hóa: 9.470.032 đồng/năm.
- Chi phí tiết kiệm: 860.912 đồng/năm.
- Tỷ lệ cắt giảm chi phí: 8,3%.

*** Thời gian giải quyết TTHC:**

- Thời gian giải quyết TTHC trước khi đơn giản hóa: 12 ngày.
- Thời gian giải quyết TTHC sau khi đơn giản hóa: 11 ngày.
- Thời gian giải quyết TTHC tiết kiệm: 01 ngày.
- Tỷ lệ cắt giảm thời gian xử lý hồ sơ: 8,33%.

8.4. Lộ trình thực hiện: Năm 2026 - 2027.

9. Ghi nhận tổ chức dịch vụ đại diện quyền đối với giống cây trồng. Mã TTHC 1.012063

9.1. Nội dung đơn giản hóa

- Đề nghị cắt giảm thời gian giải quyết TTHC: 03 ngày làm việc.
- **Lý do:** Cắt giảm thời gian để tạo điều kiện thuận lợi cho doanh nghiệp, tổ chức.

9.2. Kiến nghị thực thi

Điểm d khoản 2 Điều 26 Nghị định số 33/2026/NĐ-CP ngày 21 tháng 01 năm 2026 về sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định trong lĩnh vực trồng trọt và bảo vệ thực vật.

9.3. Lợi ích phương án đơn giản hóa

*** Chi phí tuân thủ:**

- Chi phí tuân thủ TTHC trước khi đơn giản hóa: 15.496.416 đồng/năm
- Chi phí tuân thủ TTHC sau khi đơn giản hóa: 12.913.680 đồng/năm.
- Chi phí tiết kiệm: 2.582.736 đồng/năm.
- Tỷ lệ cắt giảm chi phí: 16,7%.

*** Thời gian giải quyết TTHC:**

- Thời gian giải quyết TTHC trước khi đơn giản hóa: 18 ngày làm việc
- Thời gian giải quyết TTHC sau khi đơn giản hóa: 15 ngày làm việc.
- Thời gian giải quyết TTHC tiết kiệm: 03 ngày làm việc.
- Tỷ lệ cắt giảm thời gian xử lý hồ sơ: 16,7%.

9.4. Lộ trình thực hiện: Năm 2026 - 2027.

10. Cấp giấy chứng nhận kiểm tra nghiệp vụ đại diện quyền đối với giống cây trồng. Mã TTHC 1.012062

10.1. Nội dung đơn giản hóa

- Đề nghị cắt giảm thời gian giải quyết TTHC: 01 ngày làm việc.
- **Lý do:** Cắt giảm thời gian để tạo điều kiện thuận lợi cho doanh nghiệp, tổ chức.

10.2. Kiến nghị thực thi

Điểm d, khoản 4, Điều 22 Nghị định số 33/2026/NĐ-CP ngày 21 tháng 01 năm 2026 về sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định trong lĩnh vực trồng trọt và bảo vệ thực vật.

10.3. Lợi ích phương án đơn giản hóa

*** Chi phí tuân thủ:**

- Chi phí tuân thủ TTHC trước khi đơn giản hóa: 11.191.856 đồng/năm
- Chi phí tuân thủ TTHC sau khi đơn giản hóa: 10.330.944 đồng/năm.
- Chi phí tiết kiệm: 860.912 đồng/năm.
- Tỷ lệ cắt giảm chi phí: 7,6%.

*** Thời gian giải quyết TTHC:**

- Thời gian giải quyết TTHC trước khi đơn giản hóa: 13 ngày làm việc
- Thời gian giải quyết TTHC sau khi đơn giản hóa: 12 ngày làm việc.
- Thời gian giải quyết TTHC tiết kiệm: 01 ngày làm việc.
- Tỷ lệ cắt giảm thời gian xử lý hồ sơ: 7,69%.

10.4. Lộ trình thực hiện: Năm 2026 - 2027.

11. Cấp phép nhập khẩu giống cây trồng chưa được cấp quyết định công nhận lưu hành hoặc tự công bố lưu hành phục vụ nghiên cứu, khảo

nghiệm, quảng cáo, triển lãm, trao đổi quốc tế (bao gồm cả giống cây trồng biến đổi gen được nhập khẩu với mục đích khảo nghiệm để đăng ký cấp Quyết định công nhận lưu hành giống cây trồng). Mã TTHC 1.007999

11.1. Nội dung đơn giản hóa

- Đề nghị cắt giảm thời gian giải quyết TTHC: 02 ngày làm việc.

- **Lý do:** Cắt giảm thời gian để tạo điều kiện thuận lợi cho doanh nghiệp, tổ chức.

11.2. Kiến nghị thực thi

Điểm c, khoản 2, Điều 11, Thông tư số 07/2026/TT-BNNMT ngày 23/01/2026 quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ và kiểm dịch thực vật, Luật Trồng trọt và sửa đổi, bổ sung một số điều của các thông tư trong lĩnh vực trồng trọt và bảo vệ thực vật.

11.3. Lợi ích phương án đơn giản hóa

*** Chi phí tuân thủ:**

- Chi phí tuân thủ TTHC trước khi đơn giản hóa: 11.191.856 đồng/năm

- Chi phí tuân thủ TTHC sau khi đơn giản hóa: 8.609.120 đồng/năm.

- Chi phí tiết kiệm: 1.721.824 đồng/năm.

- Tỷ lệ cắt giảm chi phí: 10%.

*** Thời gian giải quyết TTHC:**

- Thời gian giải quyết TTHC trước khi đơn giản hóa: 10 ngày làm việc

- Thời gian giải quyết TTHC sau khi đơn giản hóa: 08 ngày làm việc.

- Thời gian giải quyết TTHC tiết kiệm: 02 ngày làm việc.

- Tỷ lệ cắt giảm thời gian xử lý hồ sơ: 20%.

11.4. Lộ trình thực hiện: Năm 2026 - 2027.

12. Cấp phép xuất khẩu giống cây trồng và hạt lai của giống cây trồng chưa được cấp quyết định công nhận lưu hành hoặc tự công bố lưu hành và không thuộc Danh mục nguồn gen giống cây trồng cấm xuất khẩu phục vụ nghiên cứu, khảo nghiệm, quảng cáo, triển lãm, trao đổi quốc tế không vì mục đích thương mại. Mã TTHC 1.007994

12.1. Nội dung đơn giản hóa

- Đề nghị cắt giảm thời gian giải quyết TTHC: 02 ngày làm việc.

- **Lý do:** Cắt giảm thời gian để tạo điều kiện thuận lợi cho doanh nghiệp, tổ chức.

12.2. Kiến nghị thực thi

Điểm c, khoản 2, Điều 10, Thông tư số 07/2026/TT-BNNMT ngày 23/01/2026 quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ và kiểm dịch thực

vật, Luật Trồng trọt và sửa đổi, bổ sung một số điều của các thông tư trong lĩnh vực trồng trọt và bảo vệ thực vật.

12.3. Lợi ích phương án đơn giản hóa

*** Chi phí tuân thủ:**

- Chi phí tuân thủ TTHC trước khi đơn giản hóa: 11.191.856 đồng/năm
- Chi phí tuân thủ TTHC sau khi đơn giản hóa: 8.609.120 đồng/năm.
- Chi phí tiết kiệm: 1.721.824 đồng/năm.
- Tỷ lệ cắt giảm chi phí 10%.

*** Thời gian giải quyết TTHC:**

- Thời gian giải quyết TTHC trước khi đơn giản hóa: 10 ngày làm việc
- Thời gian giải quyết TTHC sau khi đơn giản hóa: 08 ngày làm việc.
- Thời gian giải quyết TTHC tiết kiệm: 02 ngày làm việc.
- Tỷ lệ cắt giảm thời gian xử lý hồ sơ: 20%.

12.4. Lộ trình thực hiện: Năm 2026 - 2027.

13. Cấp Quyết định, phục hồi Quyết định công nhận cây đầu dòng, vườn cây đầu dòng, cây công nghiệp, cây ăn quả lâu năm nhân giống bằng phương pháp vô tính. Mã TTHC 1.008003

13.1. Nội dung đơn giản hóa

- Đề nghị cắt giảm thời gian giải quyết TTHC: 03 ngày làm việc.
- **Lý do:** Cắt giảm thời gian để tạo điều kiện thuận lợi cho doanh nghiệp, tổ chức.

13.2. Kiến nghị thực thi

Điểm b, khoản 2, Điều 8 Thông tư số 07/2026/TT-BNNMT ngày 23 tháng 01 năm 2026 quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ và kiểm dịch thực vật, Luật Trồng trọt và sửa đổi, bổ sung một số điều của các thông tư trong lĩnh vực trồng trọt và bảo vệ thực vật.

13.3. Lợi ích phương án đơn giản hóa

*** Chi phí tuân thủ:**

- Chi phí tuân thủ TTHC trước khi đơn giản hóa: 17.218.240 đồng/năm
- Chi phí tuân thủ TTHC sau khi đơn giản hóa: 14.635.504 đồng/năm.
- Chi phí tiết kiệm: 2.582.736 đồng/năm.
- Tỷ lệ cắt giảm chi phí 15%.

*** Thời gian giải quyết TTHC:**

- Thời gian giải quyết TTHC trước khi đơn giản hóa: 20 ngày làm việc
- Thời gian giải quyết TTHC sau khi đơn giản hóa: 17 ngày làm việc.

- Thời gian giải quyết TTHC tiết kiệm: 03 ngày làm việc.
- Tỷ lệ cắt giảm thời gian xử lý hồ sơ: 15%.

13.4. Lộ trình thực hiện: Năm 2026 - 2027.

14. Cấp lại Giấy chứng nhận tổ chức giám định quyền đối với giống cây trồng. Mã TTHC 1.012004

14.1. Nội dung đơn giản hóa

- Đề nghị cắt giảm thời gian giải quyết TTHC: 01 ngày làm việc.
- **Lý do:** Cắt giảm thời gian để tạo điều kiện thuận lợi cho doanh nghiệp, tổ chức.

14.2. Kiến nghị thực thi

Điểm k, khoản 1, Điều 45, Nghị định số 100/2026/NĐ-CP ngày 31/3/2026 ngày 31/3/2026 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 65/2023/NĐ-CP ngày 23 tháng 8 năm 2023 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Sở hữu trí tuệ về sở hữu công nghiệp, bảo vệ quyền sở hữu công nghiệp, quyền đối với giống cây trồng và quản lý nhà nước về sở hữu trí tuệ được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 15/2026/NĐ-CP ngày 14 tháng 01 năm 2026

14.3. Lợi ích phương án đơn giản hóa

*** Chi phí tuân thủ:**

- Chi phí tuân thủ TTHC trước khi đơn giản hóa: 6.887.296 đồng/năm
- Chi phí tuân thủ TTHC sau khi đơn giản hóa: 6.026.834 đồng/năm.
- Chi phí tiết kiệm: 860.912 đồng/năm.
- Tỷ lệ cắt giảm chi phí 12,5%.

*** Thời gian giải quyết TTHC:**

- Thời gian giải quyết TTHC trước khi đơn giản hóa: 08 ngày làm việc
- Thời gian giải quyết TTHC sau khi đơn giản hóa: 07 ngày làm việc.
- Thời gian giải quyết TTHC tiết kiệm: 01 ngày làm việc.
- Tỷ lệ cắt giảm thời gian xử lý hồ sơ: 12,5%.

14.4. Lộ trình thực hiện: Năm 2026 - 2027.

15. Cấp Giấy chứng nhận tổ chức giám định quyền đối với giống cây trồng. Mã TTHC 1.012003

15.1. Nội dung đơn giản hóa

- Đề nghị cắt giảm thời gian giải quyết TTHC: 01 ngày làm việc.
- **Lý do:** Cắt giảm thời gian để tạo điều kiện thuận lợi cho doanh nghiệp, tổ chức.

15.2. Kiến nghị thực thi

Điểm i, khoản 1, Điều 45, Nghị định số 100/2026/NĐ-CP ngày 31/3/2026 ngày 31/3/2026 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 65/2023/NĐ-CP ngày 23 tháng 8 năm 2023 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Sở hữu trí tuệ về sở hữu công nghiệp, bảo vệ quyền sở hữu công nghiệp, quyền đối với giống cây trồng và quản lý nhà nước về sở hữu trí tuệ được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 15/2026/NĐ-CP ngày 14 tháng 01 năm 2026

15.3. Lợi ích phương án đơn giản hóa

*** Chi phí tuân thủ:**

- Chi phí tuân thủ TTHC trước khi đơn giản hóa: 11.191.856 đồng/năm
- Chi phí tuân thủ TTHC sau khi đơn giản hóa: 10.330.944 đồng/năm.
- Chi phí tiết kiệm: 860.912 đồng/năm.
- Tỷ lệ cắt giảm chi phí 7,6%.

*** Thời gian giải quyết TTHC:**

- Thời gian giải quyết TTHC trước khi đơn giản hóa: 13 ngày làm việc
- Thời gian giải quyết TTHC sau khi đơn giản hóa: 12 ngày làm việc.
- Thời gian giải quyết TTHC tiết kiệm: 01 ngày làm việc.
- Tỷ lệ cắt giảm thời gian xử lý hồ sơ: 7,69%.

15.4. Lộ trình thực hiện: Năm 2026 - 2027.

16. Cấp lại Thẻ giám định viên quyền đối với giống cây trồng. Mã TTHC 1.012002

16.1. Nội dung đơn giản hóa

- Đề nghị cắt giảm thời gian giải quyết TTHC: 01 ngày làm việc.
- **Lý do:** Cắt giảm thời gian để tạo điều kiện thuận lợi cho doanh nghiệp, tổ chức.

16.2. Kiến nghị thực thi

Điểm c, khoản 1, Điều 43, Nghị định số 100/2026/NĐ-CP ngày 31/3/2026 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 65/2023/NĐ-CP ngày 23 tháng 8 năm 2023 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Sở hữu trí tuệ về sở hữu công nghiệp, bảo vệ quyền sở hữu công nghiệp, quyền đối với giống cây trồng và quản lý nhà nước về sở hữu trí tuệ được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 15/2026/NĐ-CP ngày 14 tháng 01 năm 2026

16.3. Lợi ích phương án đơn giản hóa

*** Chi phí tuân thủ:**

- Chi phí tuân thủ TTHC trước khi đơn giản hóa: 6.887.296 đồng/năm

- Chi phí tuân thủ TTHC sau khi đơn giản hóa: 6.026.834 đồng/năm.
- Chi phí tiết kiệm: 860.912 đồng/năm.
- Tỷ lệ cắt giảm chi phí 12,5%.

*** Thời gian giải quyết TTHC:**

- Thời gian giải quyết TTHC trước khi đơn giản hóa: 08 ngày làm việc
- Thời gian giải quyết TTHC sau khi đơn giản hóa: 07 ngày làm việc.
- Thời gian giải quyết TTHC tiết kiệm: 01 ngày làm việc.
- Tỷ lệ cắt giảm thời gian xử lý hồ sơ: 12,5%.

16.4. Lộ trình thực hiện: Năm 2026 - 2027.

17. Cấp Thẻ giám định viên quyền đối với giống cây trồng. Mã TTHC 1.012001

17.1. Nội dung đơn giản hóa

- Đề nghị cắt giảm thời gian giải quyết TTHC: 01 ngày làm việc.
- **Lý do:** Cắt giảm thời gian để tạo điều kiện thuận lợi cho doanh nghiệp, tổ chức.

17.2. Kiến nghị thực thi

Điểm c, khoản 1, Điều 43, Nghị định số 100/2026/NĐ-CP ngày 31/3/2026 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 65/2023/NĐ-CP ngày 23 tháng 8 năm 2023 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Sở hữu trí tuệ về sở hữu công nghiệp, bảo vệ quyền sở hữu công nghiệp, quyền đối với giống cây trồng và quản lý nhà nước về sở hữu trí tuệ được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 15/2026/NĐ-CP ngày 14 tháng 01 năm 2026

17.3. Lợi ích phương án đơn giản hóa

*** Chi phí tuân thủ:**

- Chi phí tuân thủ TTHC trước khi đơn giản hóa: 11.191.856 đồng/năm
- Chi phí tuân thủ TTHC sau khi đơn giản hóa: 10.330.944 đồng/năm.
- Chi phí tiết kiệm: 860.912 đồng/năm.
- Tỷ lệ cắt giảm chi phí 7,6%.

*** Thời gian giải quyết TTHC:**

- Thời gian giải quyết TTHC trước khi đơn giản hóa: 13 ngày làm việc
- Thời gian giải quyết TTHC sau khi đơn giản hóa: 12 ngày làm việc.
- Thời gian giải quyết TTHC tiết kiệm: 01 ngày làm việc.
- Tỷ lệ cắt giảm thời gian xử lý hồ sơ: 7,69%.

17.4. Lộ trình thực hiện: Năm 2026 - 2027.

18. Thu hồi Giấy chứng nhận tổ chức giám định quyền đối với giống cây trồng theo yêu cầu của tổ chức, cá nhân. Mã TTHC 1.012000

18.1. Nội dung đơn giản hóa

- Đề nghị cắt giảm thời gian giải quyết TTHC: 01 ngày làm việc.

- **Lý do:** Cắt giảm thời gian để tạo điều kiện thuận lợi cho doanh nghiệp, tổ chức.

18.2. Kiến nghị thực thi

Điểm d, khoản 4, Điều 22 Nghị định số 33/2026/NĐ-CP ngày 21 tháng 01 năm 2026 về sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định trong lĩnh vực trồng trọt và bảo vệ thực vật.

18.3. Lợi ích phương án đơn giản hóa

*** Chi phí tuân thủ:**

- Chi phí tuân thủ TTHC trước khi đơn giản hóa: 11.191.856 đồng/năm

- Chi phí tuân thủ TTHC sau khi đơn giản hóa: 10.330.944 đồng/năm.

- Chi phí tiết kiệm: 860.912 đồng/năm.

- Tỷ lệ cắt giảm chi phí 7,6%.

*** Thời gian giải quyết TTHC:**

- Thời gian giải quyết TTHC trước khi đơn giản hóa: 13 ngày làm việc

- Thời gian giải quyết TTHC sau khi đơn giản hóa: 12 ngày làm việc.

- Thời gian giải quyết TTHC tiết kiệm: 01 ngày làm việc.

- Tỷ lệ cắt giảm thời gian xử lý hồ sơ: 7,69%.

18.4. Lộ trình thực hiện: Năm 2026 - 2027.

19. Thu hồi Thẻ giám định viên quyền đối với giống cây trồng theo yêu cầu của tổ chức, cá nhân. Mã TTHC 1.011999

19.1. Nội dung đơn giản hóa

- Đề nghị cắt giảm thời gian giải quyết TTHC: 01 ngày làm việc.

- **Lý do:** Cắt giảm thời gian để tạo điều kiện thuận lợi cho doanh nghiệp, tổ chức.

19.2. Kiến nghị thực thi

Điểm c, khoản 1, Điều 43, Nghị định số 100/2026/NĐ-CP ngày 31/3/2026 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 65/2023/NĐ-CP ngày 23 tháng 8 năm 2023 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Sở hữu trí tuệ về sở hữu công nghiệp, bảo vệ quyền sở hữu công nghiệp, quyền đối với giống cây trồng và quản lý nhà nước về sở hữu trí tuệ được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 15/2026/NĐ-CP ngày 14 tháng 01 năm 2026

19.3. Lợi ích phương án đơn giản hóa

*** Chi phí tuân thủ:**

- Chi phí tuân thủ TTHC trước khi đơn giản hóa: 11.191.856 đồng/năm
- Chi phí tuân thủ TTHC sau khi đơn giản hóa: 10.330.944 đồng/năm.
- Chi phí tiết kiệm: 860.912 đồng/năm.
- Tỷ lệ cắt giảm chi phí 7,6%.

*** Thời gian giải quyết TTHC:**

- Thời gian giải quyết TTHC trước khi đơn giản hóa: 13 ngày làm việc
- Thời gian giải quyết TTHC sau khi đơn giản hóa: 12 ngày làm việc.
- Thời gian giải quyết TTHC tiết kiệm: 01 ngày làm việc.
- Tỷ lệ cắt giảm thời gian xử lý hồ sơ: 7,69%.

19.4. Lộ trình thực hiện: Năm 2026 - 2027.

20. Công nhận tổ chức đủ điều kiện thực hiện khảo nghiệm thuốc bảo vệ thực vật. Mã TTHC 2.011.236

20.1. Nội dung đơn giản hóa

- Đề nghị cắt giảm thời gian giải quyết TTHC: 02 ngày làm việc.
- ***Lý do:*** Cắt giảm thời gian để tạo điều kiện thuận lợi cho doanh nghiệp, tổ chức.

20.2. Kiến nghị thực thi

Điểm d, khoản 3, Điều 5, Nghị định số 33/2026/NĐ-CP ngày 21 tháng 01 năm 2026 về sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định trong lĩnh vực trồng trọt và bảo vệ thực vật.

20.3. Lợi ích phương án đơn giản hóa

*** Chi phí tuân thủ:**

- Chi phí tuân thủ TTHC trước khi đơn giản hóa: 13.774.592 đồng/năm
- Chi phí tuân thủ TTHC sau khi đơn giản hóa: 12.052.768 đồng/năm.
- Chi phí tiết kiệm: 1.721.824 đồng/năm.
- Tỷ lệ cắt giảm chi phí 12,5%.

*** Thời gian giải quyết TTHC:**

- Thời gian giải quyết TTHC trước khi đơn giản hóa: 16 ngày làm việc
- Thời gian giải quyết TTHC sau khi đơn giản hóa: 14 ngày làm việc.
- Thời gian giải quyết TTHC tiết kiệm: 02 ngày làm việc.
- Tỷ lệ cắt giảm thời gian xử lý hồ sơ: 12,5%.

20.4. Lộ trình thực hiện: Năm 2026 - 2027.

21. Cấp Quyết định công nhận tổ chức khảo nghiệm phân bón. Mã TTHC 1.007.926

21.1. Nội dung đơn giản hóa

- Đề nghị cắt giảm thời gian giải quyết TTHC: 02 ngày làm việc.
- *Lý do:* Cắt giảm thời gian để tạo điều kiện thuận lợi cho doanh nghiệp, tổ chức.

21.2. Kiến nghị thực thi

Điểm d, khoản 1, Điều 7, Nghị định số 33/2026/NĐ-CP ngày 21 tháng 01 năm 2026 về sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định trong lĩnh vực trồng trọt và bảo vệ thực vật.

21.3. Lợi ích phương án đơn giản hóa

*** Chi phí tuân thủ:**

- Chi phí tuân thủ TTHC trước khi đơn giản hóa: 17.218.240 đồng/năm
- Chi phí tuân thủ TTHC sau khi đơn giản hóa: 15.496.416 đồng/năm.
- Chi phí tiết kiệm: 1.721.824 đồng/năm.
- Tỷ lệ cắt giảm chi phí: 10%.

*** Thời gian giải quyết TTHC:**

- Thời gian giải quyết TTHC trước khi đơn giản hóa: 20 ngày làm việc
- Thời gian giải quyết TTHC sau khi đơn giản hóa: 18 ngày làm việc.
- Thời gian giải quyết TTHC tiết kiệm: 02 ngày làm việc.
- Tỷ lệ cắt giảm thời gian xử lý hồ sơ: 10%.

21.4. Lộ trình thực hiện: Năm 2026 - 2027.

22. Cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện sản xuất phân bón. Mã TTHC 1.007.927

22.1. Nội dung đơn giản hóa

- Đề nghị cắt giảm thời gian giải quyết TTHC: 01 ngày làm việc.
- *Lý do:* Cắt giảm thời gian để tạo điều kiện thuận lợi cho doanh nghiệp, tổ chức.

22.2. Kiến nghị thực thi

Điểm d, khoản 1, Điều 11, Nghị định số 33/2026/NĐ-CP ngày 21 tháng 01 năm 2026 về sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định trong lĩnh vực trồng trọt và bảo vệ thực vật.

22.3. Lợi ích phương án đơn giản hóa

*** Chi phí tuân thủ:**

- Chi phí tuân thủ TTHC trước khi đơn giản hóa: 43.045.600 đồng/năm

- Chi phí tuân thủ TTHC sau khi đơn giản hóa: 38.741.040 đồng/năm.
- Chi phí tiết kiệm: 2.152.280 đồng/năm.
- Tỷ lệ cắt giảm chi phí 5%.

*** Thời gian giải quyết TTHC:**

- Thời gian giải quyết TTHC trước khi đơn giản hóa: 20 ngày làm việc
- Thời gian giải quyết TTHC sau khi đơn giản hóa: 19 ngày làm việc.
- Thời gian giải quyết TTHC tiết kiệm: 01 ngày làm việc.
- Tỷ lệ cắt giảm thời gian xử lý hồ sơ: 5%.

22.4. Lộ trình thực hiện: Năm 2026 - 2027.

23. Cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện sản xuất phân bón. Mã TTHC 1.007.928

23.1. Nội dung đơn giản hóa

- Đề nghị cắt giảm thời gian giải quyết TTHC: 01 ngày làm việc.
- **Lý do:** Cắt giảm thời gian để tạo điều kiện thuận lợi cho doanh nghiệp, tổ chức.

23.2. Kiến nghị thực thi

Điểm d, khoản 2, Điều 11, Nghị định số 33/2026/NĐ-CP ngày 21 tháng 01 năm 2026 về sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định trong lĩnh vực trồng trọt và bảo vệ thực vật.

23.3. Lợi ích phương án đơn giản hóa

*** Chi phí tuân thủ:**

- Chi phí tuân thủ TTHC trước khi đơn giản hóa: 43.045.600 đồng/năm
- Chi phí tuân thủ TTHC sau khi đơn giản hóa: 38.741.040 đồng/năm.
- Chi phí tiết kiệm: 2.152.280 đồng/năm.
- Tỷ lệ cắt giảm chi phí 5%.

*** Thời gian giải quyết TTHC:**

- Thời gian giải quyết TTHC trước khi đơn giản hóa: 20 ngày làm việc
- Thời gian giải quyết TTHC sau khi đơn giản hóa: 19 ngày làm việc.
- Thời gian giải quyết TTHC tiết kiệm: 01 ngày làm việc.
- Tỷ lệ cắt giảm thời gian xử lý hồ sơ: 5%.

23.4. Lộ trình thực hiện: Năm 2026 - 2027.

24. Công nhận các tiêu chuẩn Thực hành nông nghiệp tốt khác (GAP khác) cho áp dụng để được hưởng chính sách hỗ trợ trong nông nghiệp, lâm nghiệp và thủy sản. Mã TTHC 1.010.090

24.1. Nội dung đơn giản hóa

- Đề nghị cắt giảm thời gian giải quyết TTHC: 01 ngày làm việc.
- **Lý do:** Cắt giảm thời gian để tạo điều kiện thuận lợi cho doanh nghiệp, tổ chức.

24.2. Kiến nghị thực thi

- Điểm d, khoản 4, Điều 15, Thông tư 12/2025 ngày 19/6/2025 quy định phân cấp, phân định thẩm quyền quản lý nhà nước trong lĩnh vực trồng trọt và bảo vệ thực vật

- Mục 4 Phụ lục I ban hành kèm theo Nghị định số 136/2025/NĐ-CP ngày 12/6/2025 quy định phân quyền, phân cấp trong lĩnh vực nông nghiệp và môi trường.

24.3. Lợi ích phương án đơn giản hóa

*** Chi phí tuân thủ:**

- Chi phí tuân thủ TTHC trước khi đơn giản hóa: 17.218.240 đồng/năm
- Chi phí tuân thủ TTHC sau khi đơn giản hóa: 16.357.328 đồng/năm.
- Chi phí tiết kiệm: 860.912 đồng/năm.
- Tỷ lệ cắt giảm chi phí: 5%.

*** Thời gian giải quyết TTHC:**

- Thời gian giải quyết TTHC trước khi đơn giản hóa: 20 ngày làm việc
- Thời gian giải quyết TTHC sau khi đơn giản hóa: 19 ngày làm việc.
- Thời gian giải quyết TTHC tiết kiệm: 01 ngày làm việc.
- Tỷ lệ cắt giảm thời gian xử lý hồ sơ: 5%.

24.4. Lộ trình thực hiện: Năm 2026 - 2027.

IX. LĨNH VỰC KHOA HỌC CÔNG NGHỆ

1. Công nhận vùng nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao. Mã TTHC 1.011.647

1.1. Nội dung đơn giản hóa

- Đề nghị cắt giảm thời gian giải quyết TTHC: 03 ngày làm việc.
- **Lý do:** Cắt giảm thời gian để tạo điều kiện thuận lợi cho doanh nghiệp, tổ chức.

1.2. Kiến nghị thực thi

Khoản 3, Điều 4, Quyết định số 66/2015/QĐ-TTg ngày 25/12/2015 quy định tiêu chí, thẩm quyền, trình tự, thủ tục công nhận vùng nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao.

1.3. Lợi ích phương án đơn giản hóa

*** Chi phí tuân thủ:**

- Chi phí tuân thủ TTHC trước khi đơn giản hóa: 25.827.360 đồng/năm
- Chi phí tuân thủ TTHC sau khi đơn giản hóa: 23.244.6244 đồng/năm.
- Chi phí tiết kiệm: 2.582.736 đồng/năm.
- Tỷ lệ cắt giảm chi phí 10%.

*** Thời gian giải quyết TTHC:**

- Thời gian giải quyết TTHC trước khi đơn giản hóa: 30 ngày làm việc
- Thời gian giải quyết TTHC sau khi đơn giản hóa: 27 ngày làm việc.
- Thời gian giải quyết TTHC tiết kiệm: 03 ngày làm việc.
- Tỷ lệ cắt giảm thời gian xử lý hồ sơ: 10%.

1.4. Lộ trình thực hiện: Năm 2026 - 2027.

X. LĨNH VỰC QUẢN LÝ CHẤT LƯỢNG NÔNG LÂM THỦY SẢN

1. Chỉ định cơ sở kiểm nghiệm thực phẩm phục vụ quản lý nhà nước.

Mã TTHC 1.003.111

1.1. Nội dung đơn giản hóa

- Đề nghị cắt giảm thời gian giải quyết TTHC: 01 ngày làm việc.
- *Lý do:* Cắt giảm thời gian để tạo điều kiện thuận lợi cho doanh nghiệp, tổ chức.

1.2. Kiến nghị thực thi

Điểm g, khoản 3, Điều 6, Thông tư số 17/2025/TT-BNNMT ngày 19 tháng 6 năm 2025 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường quy định về phân cấp quản lý nhà nước trong lĩnh vực quản lý chất lượng nông lâm sản và thủy sản.

1.3. Lợi ích phương án đơn giản hóa

*** Chi phí tuân thủ:**

- Chi phí tuân thủ TTHC trước khi đơn giản hóa: 30.131.920 đồng/năm
- Chi phí tuân thủ TTHC sau khi đơn giản hóa: 29.271.008 đồng/năm.
- Chi phí tiết kiệm: 860.912 đồng/năm.
- Tỷ lệ cắt giảm chi phí 2,86%.

*** Thời gian giải quyết TTHC:**

- Thời gian giải quyết TTHC trước khi đơn giản hóa: 35 ngày làm việc
- Thời gian giải quyết TTHC sau khi đơn giản hóa: 34 ngày làm việc.
- Thời gian giải quyết TTHC tiết kiệm: 01 ngày làm việc.
- Tỷ lệ cắt giảm thời gian xử lý hồ sơ: 2,86%.

1.4. Lộ trình thực hiện: Năm 2026 - 2027.

2. Chỉ định cơ sở kiểm nghiệm thực phẩm đã được công nhận theo Tiêu chuẩn quốc gia TCVN ISO/IEC 17025:2007 hoặc Tiêu chuẩn quốc tế ISO/IEC 17025:2005. Mã TTHC 1.003.082

2.1. Nội dung đơn giản hóa

- Đề nghị cắt giảm thời gian giải quyết TTHC: 01 ngày làm việc.
- **Lý do:** Cắt giảm thời gian để tạo điều kiện thuận lợi cho doanh nghiệp, tổ chức.

2.2. Kiến nghị thực thi

Điểm d, khoản 2, Điều 7, Thông tư số 17/2025/TT-BNNMT ngày 19 tháng 6 năm 2025 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường quy định về phân cấp quản lý nhà nước trong lĩnh vực quản lý chất lượng nông lâm sản và thủy sản.

2.3. Lợi ích phương án đơn giản hóa

*** Chi phí tuân thủ:**

- Chi phí tuân thủ TTHC trước khi đơn giản hóa: 25.827.360 đồng/năm
- Chi phí tuân thủ TTHC sau khi đơn giản hóa: 24.966.448 đồng/năm.
- Chi phí tiết kiệm: 860.912 đồng/năm.
- Tỷ lệ cắt giảm chi phí 3,33%.

*** Thời gian giải quyết TTHC:**

- Thời gian giải quyết TTHC trước khi đơn giản hóa: 30 ngày làm việc
- Thời gian giải quyết TTHC sau khi đơn giản hóa: 29 ngày làm việc.
- Thời gian giải quyết TTHC tiết kiệm: 01 ngày làm việc.
- Tỷ lệ cắt giảm thời gian xử lý hồ sơ: 3,33%.

2.4. Lộ trình thực hiện: Năm 2026 - 2027.

3. Gia hạn chỉ định cơ sở kiểm nghiệm thực phẩm phục vụ quản lý nhà nước. Mã TTHC 1.003.058

3.1. Nội dung đơn giản hóa

- Đề nghị cắt giảm thời gian giải quyết TTHC: 01 ngày làm việc.
- **Lý do:** Cắt giảm thời gian để tạo điều kiện thuận lợi cho doanh nghiệp, tổ chức.

3.2. Kiến nghị thực thi

Điểm g, khoản 2, Điều 8, Thông tư số 17/2025/TT-BNNMT ngày 19 tháng 6 năm 2025 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường quy định về phân cấp quản lý nhà nước trong lĩnh vực quản lý chất lượng nông lâm sản và thủy sản.

3.3. Lợi ích phương án đơn giản hóa

*** Chi phí tuân thủ:**

- Chi phí tuân thủ TTHC trước khi đơn giản hóa: 30.131.920 đồng/năm
- Chi phí tuân thủ TTHC sau khi đơn giản hóa: 29.271.008 đồng/năm.
- Chi phí tiết kiệm: 860.912 đồng/năm.
- Tỷ lệ cắt giảm chi phí 2,86%.

*** Thời gian giải quyết TTHC:**

- Thời gian giải quyết TTHC trước khi đơn giản hóa: 35 ngày làm việc
- Thời gian giải quyết TTHC sau khi đơn giản hóa: 34 ngày làm việc.
- Thời gian giải quyết TTHC tiết kiệm: 01 ngày làm việc.
- Tỷ lệ cắt giảm thời gian xử lý hồ sơ: 2,86%.

3.4. Lộ trình thực hiện: Năm 2026 - 2027.

4. Thay đổi, bổ sung phạm vi chỉ định cơ sở kiểm nghiệm phục vụ quản lý nhà nước. Mã TTHC 2.001.254

4.1. Nội dung đơn giản hóa

- Đề nghị cắt giảm thời gian giải quyết TTHC: 01 ngày làm việc.
- *Lý do:* Cắt giảm thời gian để tạo điều kiện thuận lợi cho doanh nghiệp, tổ chức.

4.2. Kiến nghị thực thi

Điểm d, khoản 2, Điều 9, *Thông tư số 17/2025/TT-BNNMT ngày 19 tháng 6 năm 2025 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường quy định về phân cấp quản lý nhà nước trong lĩnh vực quản lý chất lượng nông lâm sản và thủy sản.*

4.3. Lợi ích phương án đơn giản hóa

*** Chi phí tuân thủ:**

- Chi phí tuân thủ TTHC trước khi đơn giản hóa: 30.131.920 đồng/năm
- Chi phí tuân thủ TTHC sau khi đơn giản hóa: 29.271.008 đồng/năm.
- Chi phí tiết kiệm: 860.912 đồng/năm.
- Tỷ lệ cắt giảm chi phí 2,86%.

*** Thời gian giải quyết TTHC:**

- Thời gian giải quyết TTHC trước khi đơn giản hóa: 35 ngày làm việc
- Thời gian giải quyết TTHC sau khi đơn giản hóa: 34 ngày làm việc.
- Thời gian giải quyết TTHC tiết kiệm: 01 ngày làm việc.
- Tỷ lệ cắt giảm thời gian xử lý hồ sơ: 2,86%.

4.4. Lộ trình thực hiện: Năm 2026 - 2027.

XI. LĨNH VỰC KHUYẾN NÔNG

1. Phê duyệt kế hoạch khuyến nông địa phương cấp tỉnh. Mã TTHC: 1.003618

1.1 Nội dung đơn giản hóa

- Cắt giảm thời gian xử lý hồ sơ từ 60 ngày xuống còn 30 ngày.
- Lý do: Việc cắt giảm thời gian giải quyết giúp tiết kiệm thời gian cho đối tượng thực hiện TTHC nhưng vẫn đảm bảo giải quyết TTHC kịp thời cho tổ chức, cá nhân. Cắt giảm, đơn giản hoá biểu mẫu trong thành phần hồ sơ tạo điều kiện thuận lợi cho tổ chức, cá nhân.

1.2 Kiến nghị thực thi:

Sửa đổi Điều 25 Nghị định số 83/2018/NĐ-CP ngày 24/5/2018 của Chính Phủ về Khuyến nông.

1.3 Lợi ích khi cắt giảm 50% TTHC

*** Chi phí tuân thủ:**

- Chi phí tuân thủ TTHC trước khi đơn giản hóa: 28.410.096 đồng/năm
- Chi phí tuân thủ TTHC sau khi đơn giản hóa: 14.205.048 đồng/năm.
- Chi phí tiết kiệm tuân thủ TTHC: 14.205.048 đồng/năm.
- Tỷ lệ cắt giảm chi phí tuân thủ TTHC: 50%.

*** Thời gian thực hiện TTHC**

- Thời gian giải quyết TTHC trước khi đơn giản hóa: 60 ngày.
- Thời gian giải quyết TTHC sau khi đơn giản hóa: 30 ngày.
- Thời gian giải quyết TTHC tiết kiệm: 30 ngày.
- Tỷ lệ cắt giảm: 50 %.

1.4 Lộ trình thực hiện: Năm 2026 - 2027

XII. LĨNH VỰC LÂM NGHIỆP, KIỂM LÂM

1. Công nhận nguồn giống cây trồng lâm nghiệp. Mã TTHC: 3.000198

1.1. Nội dung đơn giản hóa: Giảm thời gian thực hiện thẩm định hồ sơ khi thực hiện thủ tục từ 14 ngày làm việc sau khi nhận đủ hồ sơ hợp lệ còn 09 ngày làm việc sau khi nhận đủ hồ sơ hợp lệ.

Lý do: Cắt giảm thời gian chờ đợi tạo điều kiện cho các tổ chức cá nhân khi thực hiện thủ tục.

1.2. Kiến nghị thực thi: Sửa đổi Điều 11 Thông tư số 22/2021/TT-BNNPTNT ngày 29/12/2021 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn.

1.3. Lợi ích phương án đơn giản hóa

*** Chi phí tuân thủ:**

- Chi phí tuân thủ TTHC trước khi đơn giản hóa: 5.278.000 đồng/năm
- Chi phí tuân thủ TTHC sau khi đơn giản hóa: 3.393.000 đồng/năm.
- Chi phí tiết kiệm tuân thủ TTHC: 1.885.000 đồng/năm.
- Tỷ lệ cắt giảm: 35,7%.

*** Thời gian giải quyết TTHC:**

- Thời gian giải quyết TTHC trước khi đơn giản hóa: 14 ngày làm việc.
- Thời gian giải quyết TTHC sau khi đơn giản hóa: 09 ngày làm việc.
- Thời gian giải quyết TTHC tiết kiệm: 09 ngày làm việc.
- Tỷ lệ cắt giảm thời gian xử lý hồ sơ: 35,7%.

1.4. Lộ trình thực hiện: Năm 2026.

2. Phê duyệt chương trình, dự án và hoạt động phi dự án được hỗ trợ tài chính của Quỹ bảo vệ và phát triển rừng cấp tỉnh, Mã thủ tục hành chính: 1.000071.

2.1. Nội dung đơn giản hóa

- Cắt giảm thời gian từ 40 ngày làm việc xuống còn 20 ngày làm việc; tỷ lệ cắt giảm 50%.

- Lý do: Việc rút ngắn thời gian xử lý hồ sơ để tạo thuận lợi hơn cho người dân, doanh nghiệp; đơn giản hoá theo quy định tại theo Nghị quyết số 66/NQ-CP ngày 26/3/2025 của Chính phủ.

2.2. Kiến nghị thực thi

- Điểm c, d, e khoản 2 Điều 79; điểm c khoản 2 Điều 80; điểm b khoản 2 Điều 83; Điều 84; Điều 85; khoản 2 Điều 86 Nghị định số 156/2018/NĐ-CP ngày 16/11/2018 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Lâm nghiệp.

2.3. Lợi ích phương án đơn giản hóa

*** Chi phí tuân thủ:**

- Chi phí tuân thủ TTHC trước khi đơn giản hóa: 15.080.000 đồng/năm
- Chi phí tuân thủ TTHC sau khi đơn giản hóa: 7.540.000 đồng/năm.
- Chi phí tiết kiệm tuân thủ TTHC: 7.540.000 đồng/năm.
- Tỷ lệ cắt giảm chi phí: 50%.

*** Thời gian thực hiện TTHC:**

- Thời gian tuân thủ TTHC trước khi đơn giản hóa: 40 ngày làm việc.
- Thời gian tuân thủ TTHC sau khi đơn giản hóa: 20 ngày làm việc.

- Thời gian cắt giảm: 20 ngày làm việc.
- Tỷ lệ cắt giảm thời gian: 50%.

2.4. Lộ trình thực hiện: 2026 – 2027.

3. Miễn, giảm tiền dịch vụ môi trường rừng (đối với bên sử dụng dịch vụ môi trường rừng trong phạm vi địa giới hành chính của một tỉnh), Mã thủ tục hành chính: 1.000058.

3.1. Nội dung đơn giản hóa

- Cắt giảm thời gian từ 15 ngày làm việc xuống còn 8 ngày làm việc; tỷ lệ cắt giảm 46,7%.

- Lý do: Việc rút ngắn thời gian xử lý hồ sơ để tạo thuận lợi hơn cho người dân, doanh nghiệp; đơn giản hoá theo quy định tại theo Nghị quyết số 66/NQ-CP ngày 26/3/2025 của Chính phủ.

3.2. Kiến nghị thực thi

- Điều 75 Nghị định số 156/2018/NĐ-CP ngày 16/11/2018 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Lâm nghiệp.

3.3. Lợi ích phương án đơn giản hóa

* Chi phí tuân thủ:

- Chi phí tuân thủ TTHC trước khi đơn giản hóa: 5.655.000 đồng/năm
- Chi phí tuân thủ TTHC sau khi đơn giản hóa: 3.016.000 đồng/năm.
- Chi phí tiết kiệm tuân thủ TTHC: 2.639.000 đồng/năm.
- Tỷ lệ cắt giảm chi phí: 46,7%.

* Thời gian thực hiện TTHC:

- Thời gian tuân thủ TTHC trước khi đơn giản hóa: 15 ngày làm việc.
- Thời gian tuân thủ TTHC sau khi đơn giản hóa: 8 ngày làm việc.
- Thời gian cắt giảm: 7 ngày làm việc.
- Tỷ lệ cắt giảm thời gian: 46,7%.

3.4. Lộ trình thực hiện: 2026 – 2027.

XIII. LĨNH VỰC ĐẤT ĐAI

1. Xóa đăng ký thuê, cho thuê lại quyền sử dụng đất trong dự án xây dựng kinh doanh kết cấu hạ tầng. Mã TTHC 1.012766

1.1. Nội dung đơn giản hoá:

- Cắt giảm Thời gian giải quyết TTHC: 01 ngày. Tỷ lệ cắt giảm thời gian: 33%

- Cắt giảm thành phần hồ sơ là giấy chứng nhận đã cấp khi nộp hồ trực tuyến.

- *Lý do:* sử dụng kết quả tái cấu trúc theo Kế hoạch số 515/KH-BCA-BNN&MT ngày 31/8/2025 của Bộ Công an và Bộ Nông nghiệp và Môi trường về triển khai thực hiện chiến dịch làm giàu, làm sạch cơ sở dữ liệu quốc gia về đất đai.

1.2. Kiến nghị thực thi:

Sửa đổi thành phần hồ sơ khi nộp tuyển đối với thủ tục Xóa đăng ký thuê, cho thuê lại quyền sử dụng đất trong dự án xây dựng kinh doanh kết cấu hạ tầng. Mã TTHC 1.012766, quy định tại quyết định số 2304/QĐ-BNNMT ngày 23/6/2025.

1.3. Lợi ích phương án đơn giản hoá

*** Chi phí tuân thủ:**

- Chi phí tuân thủ TTHC trước khi đơn giản hóa: 72.316.608 đồng/năm
- Chi phí tuân thủ TTHC sau khi đơn giản hóa: 53.161.316 đồng/năm.
- Chi phí tiết kiệm: 19.155.292 đồng/năm.
- Tỷ lệ cắt giảm chi phí: 26,4%.

*** Thời gian giải quyết TTHC:**

- Thời gian giải quyết TTHC trước khi đơn giản hóa: 03 ngày.
- Thời gian giải quyết TTHC sau khi đơn giản hóa: 02 ngày.
- Thời gian giải quyết TTHC tiết kiệm: 01 ngày.
- Tỷ lệ cắt giảm thời gian xử lý hồ sơ: 33%.

1.4. Lộ trình thực hiện: Năm 2026 - 2027.

2. Đăng ký biến động đối với trường hợp thành viên của hộ gia đình hoặc cá nhân đang sử dụng đất thành lập doanh nghiệp tư nhân và sử dụng đất vào hoạt động sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp (Mã thủ tục: 1.012793)

2.1. Nội dung đơn giản hoá:

- Cắt giảm Thời gian giải quyết TTHC: 03 ngày làm việc. Tỷ lệ cắt giảm thời gian: 30%

- Cắt giảm thành phần hồ sơ là giấy chứng nhận đã cấp khi nộp hồ trực tuyến.

- *Lý do:* sử dụng kết quả tái cấu trúc theo Kế hoạch số 515/KH-BCA-BNN&MT ngày 31/8/2025 của Bộ Công an và Bộ Nông nghiệp và Môi trường về triển khai thực hiện chiến dịch làm giàu, làm sạch cơ sở dữ liệu quốc gia về đất đai.

2.2. Kiến nghị thực thi:

Sửa đổi thành phần hồ sơ khi nộp tuyển đối với thủ tục Xóa đăng ký thuê, cho thuê lại quyền sử dụng đất trong dự án xây dựng kinh doanh kết cấu hạ tầng.

Mã TTHC 1.012766, quy định tại quyết định số 2304/QĐ-BNNMT ngày 23/6/2025.

2.3. Lợi ích phương án đơn giản hoá

*** Chi phí tuân thủ:**

- Chi phí tuân thủ TTHC trước khi đơn giản hóa: 4.573.595 đồng/năm
- Chi phí tuân thủ TTHC sau khi đơn giản hóa: 3.228.420 đồng/năm.
- Chi phí tiết kiệm: 1.345.175 đồng/năm.
- Tỷ lệ cắt giảm chi phí: 29,4%.

*** Thời gian giải quyết TTHC:**

- Thời gian giải quyết TTHC trước khi đơn giản hóa: 10 ngày làm việc.
- Thời gian giải quyết TTHC sau khi đơn giản hóa: 07 ngày làm việc.
- Thời gian giải quyết TTHC tiết kiệm: 03 ngày làm việc.
- Tỷ lệ cắt giảm thời gian xử lý hồ sơ: 30%.

2.4. Lộ trình thực hiện: Năm 2026 - 2027.

3. Đăng ký, cấp Giấy chứng nhận đối với thửa đất có diện tích tăng thêm do thay đổi ranh giới so với Giấy chứng nhận đã cấp (Mã thủ tục: 1012781)

3.1. Nội dung đơn giản hoá:

- Cắt giảm Thời gian giải quyết TTHC: 03 ngày làm việc. Tỷ lệ cắt giảm thời gian: 30%
- Cắt giảm thành phần hồ sơ là giấy chứng nhận đã cấp khi nộp hồ trực tuyến.

- *Lý do:* sử dụng kết quả tái cấu trúc theo Kế hoạch số 515/KH-BCA-BNN&MT ngày 31/8/2025 của Bộ Công an và Bộ Nông nghiệp và Môi trường về triển khai thực hiện chiến dịch làm giàu, làm sạch cơ sở dữ liệu quốc gia về đất đai.

3.2. Kiến nghị thực thi:

Sửa đổi thành phần hồ sơ khi nộp tuyến đối với thủ tục Xóa đăng ký thuê, cho thuê lại quyền sử dụng đất trong dự án xây dựng kinh doanh kết cấu hạ tầng. Mã TTHC 1.012766, quy định tại quyết định số 3380/QĐ-BNNMT ngày 25/8/2025.

3.3. Lợi ích phương án đơn giản hoá

*** Chi phí tuân thủ:**

- Chi phí tuân thủ TTHC trước khi đơn giản hóa 258.273.600 đồng/năm
- Chi phí tuân thủ TTHC sau khi đơn giản hóa: 255.690.864 đồng/năm.
- Chi phí tiết kiệm: 2.582.7360 đồng/năm.

- Tỷ lệ cắt giảm chi phí: 29,4%.

*** Thời gian giải quyết TTHC:**

- Thời gian giải quyết TTHC trước khi đơn giản hóa: 10 ngày làm việc.

- Thời gian giải quyết TTHC sau khi đơn giản hóa: 07 ngày làm việc.

- Thời gian giải quyết TTHC tiết kiệm: 03 ngày làm việc.

- Tỷ lệ cắt giảm thời gian xử lý hồ sơ: 1%.

3.4. Lộ trình thực hiện: Năm 2026 - 2027.

4. Cấp đổi Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất (Mã thủ tục: 1012783)

4.1. Nội dung đơn giản hoá:

- Cắt giảm thành phần hồ sơ là giấy chứng nhận đã cấp khi nộp hồ trực tuyến.

- Lý do: sử dụng kết quả tái cấu trúc theo Kế hoạch số 515/KH-BCA-BNN&MT ngày 31/8/2025 của Bộ Công an và Bộ Nông nghiệp và Môi trường về triển khai thực hiện chiến dịch làm giàu, làm sạch cơ sở dữ liệu quốc gia về đất đai.

4.2. Kiến nghị thực thi:

Sửa đổi thành phần hồ sơ khi nộp tuyến đối với thủ tục Xóa đăng ký thuê, cho thuê lại quyền sử dụng đất trong dự án xây dựng kinh doanh kết cấu hạ tầng. Mã TTHC 1.012766, quy định tại quyết định số 3380/QĐ-BNNMT ngày 25/8/2025.

4.3. Lợi ích phương án đơn giản hoá

*** Chi phí tuân thủ:**

- Chi phí tuân thủ TTHC trước khi đơn giản hóa 3.257.691.008 đồng/năm

- Chi phí tuân thủ TTHC sau khi đơn giản hóa: 3.183.652.576 đồng/năm.

- Chi phí tiết kiệm: 74.038.432 đồng/năm.

- Tỷ lệ cắt giảm chi phí: 2,3%.

4.4. Lộ trình thực hiện: Năm 2026 - 2027.

5. Tách thửa hoặc hợp thửa đất (Mã thủ tục: 1012784)

5.1. Nội dung đơn giản hoá:

- Cắt giảm Thời gian giải quyết TTHC: 03 ngày làm việc. Tỷ lệ cắt giảm thời gian: 20%

- Cắt giảm thành phần hồ sơ là giấy chứng nhận đã cấp khi nộp hồ trực tuyến.

- Lý do: sử dụng kết quả tái cấu trúc theo Kế hoạch số 515/KH-BCA-BNN&MT ngày 31/8/2025 của Bộ Công an và Bộ Nông nghiệp và Môi trường

về triển khai thực hiện chiến dịch làm giàu, làm sạch cơ sở dữ liệu quốc gia về đất đai.

5.2. Kiến nghị thực thi:

Sửa đổi thành phần hồ sơ khi nộp tuyến đối với thủ tục Xóa đăng ký thuê, cho thuê lại quyền sử dụng đất trong dự án xây dựng kinh doanh kết cấu hạ tầng. Mã TTHC 1.012766, quy định tại quyết định số 2304/QĐ-BNNMT ngày 29/6/2025.

5.3. Lợi ích phương án đơn giản hoá

*** Chi phí tuân thủ:**

- Chi phí tuân thủ TTHC trước khi đơn giản hóa 5.069.695.540 đồng/năm
- Chi phí tuân thủ TTHC sau khi đơn giản hóa: 4.164.392.765 đồng/năm.
- Chi phí tiết kiệm: 905.302.775 đồng/năm.
- Tỷ lệ cắt giảm chi phí: 17,8%.

*** Thời gian giải quyết TTHC:**

- Thời gian giải quyết TTHC trước khi đơn giản hóa: 15 ngày làm việc.
- Thời gian giải quyết TTHC sau khi đơn giản hóa: 12 ngày làm việc.
- Thời gian giải quyết TTHC tiết kiệm: 03 ngày làm việc.
- Tỷ lệ cắt giảm thời gian xử lý hồ sơ: 20%.

5.4. Lộ trình thực hiện: Năm 2026 - 2027.

6. Đăng ký, cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất cho người nhận chuyển nhượng quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở, công trình xây dựng trong dự án bất động sản (Mã thủ tục: 1012787)

6.1. Nội dung đơn giản hoá:

- Cắt giảm Thời gian giải quyết TTHC: 02 ngày làm việc. Tỷ lệ cắt giảm thời gian: 20%
- Cắt giảm thành phần hồ sơ là giấy chứng nhận đã cấp khi nộp hồ trực tuyến.

- Lý do: sử dụng kết quả tái cấu trúc theo Kế hoạch số 515/KH-BCA-BNN&MT ngày 31/8/2025 của Bộ Công an và Bộ Nông nghiệp và Môi trường về triển khai thực hiện chiến dịch làm giàu, làm sạch cơ sở dữ liệu quốc gia về đất đai.

6.2. Kiến nghị thực thi:

Sửa đổi thành phần hồ sơ khi nộp tuyến đối với thủ tục Xóa đăng ký thuê, cho thuê lại quyền sử dụng đất trong dự án xây dựng kinh doanh kết cấu hạ tầng. Mã TTHC 1.012766, quy định tại quyết định số 3380/QĐ-BNNMT ngày 25/8/2025.

6.3. Lợi ích phương án đơn giản hoá

*** Chi phí tuân thủ:**

- Chi phí tuân thủ TTHC trước khi đơn giản hóa 11.573.132.402 đồng/năm
- Chi phí tuân thủ TTHC sau khi đơn giản hóa: 9.150.848.876 đồng/năm.
- Chi phí tiết kiệm: 2.422.283.526 đồng/năm.
- Tỷ lệ cắt giảm chi phí: 21%.

*** Thời gian giải quyết TTHC:**

- Thời gian giải quyết TTHC trước khi đơn giản hóa: 10 ngày làm việc.
- Thời gian giải quyết TTHC sau khi đơn giản hóa: 08 ngày làm việc.
- Thời gian giải quyết TTHC tiết kiệm: 02 ngày làm việc.
- Tỷ lệ cắt giảm thời gian xử lý hồ sơ: 20%.

6.4. Lộ trình thực hiện: Năm 2026 - 2027.

7. Đăng ký biến động quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất trong các trường hợp chuyển đổi quyền sử dụng đất nông nghiệp mà không theo phương án dồn điền, đổi thửa; chuyển nhượng, thừa kế, tặng cho quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất, góp vốn bằng quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất; cho thuê, cho thuê lại quyền sử dụng đất trong dự án xây dựng kinh doanh kết cấu hạ tầng; bán hoặc tặng cho hoặc để thừa kế hoặc góp vốn bằng tài sản gắn liền với đất thuê của Nhà nước theo hình thức thuê đất trả tiền hàng năm. Mã TTHC 1.013831

7.1. Nội dung đơn giản hoá:

- Cắt giảm thành phần hồ sơ là giấy chứng nhận đã cấp khi nộp hồ trực tuyến.

- Lý do: sử dụng kết quả tái cấu trúc theo Kế hoạch số 515/KH-BCA-BNN&MT ngày 31/8/2025 của Bộ Công an và Bộ Nông nghiệp và Môi trường về triển khai thực hiện chiến dịch làm giàu, làm sạch cơ sở dữ liệu quốc gia về đất đai.

7.2. Kiến nghị thực thi:

Sửa đổi thành phần hồ sơ khi nộp tuyến đối với thủ tục Xóa đăng ký thuê, cho thuê lại quyền sử dụng đất trong dự án xây dựng kinh doanh kết cấu hạ tầng. Mã TTHC 1.012766, quy định tại quyết định số 2304/QĐ-BNNMT ngày 23/6/2025.

7.3. Lợi ích phương án đơn giản hoá

*** Chi phí tuân thủ:**

- Chi phí tuân thủ TTHC trước khi đơn giản hóa: 16.801.128.136 đồng/năm
- Chi phí tuân thủ TTHC sau khi đơn giản hóa: 16.070.644.304 đồng/năm.

- Chi phí tiết kiệm: 730.483.832 đồng/năm.
- Tỷ lệ cắt giảm chi phí: 4,3%.

7.4. Lộ trình thực hiện: Năm 2026 - 2027.

8. Đăng ký biến động đối với trường hợp đổi tên hoặc thay đổi thông tin về người sử dụng đất, chủ sở hữu tài sản gắn liền với đất hoặc thay đổi số hiệu hoặc địa chỉ của thửa đất; thay đổi hạn chế quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất hoặc có thay đổi quyền đối với thửa đất liền kề; giảm diện tích thửa đất do sạt lở tự nhiên (Mã thủ tục: 1013833)

8.1. Nội dung đơn giản hoá:

- Cắt giảm Thời gian giải quyết TTHC: 02 ngày làm việc. Tỷ lệ cắt giảm thời gian: 29%
- Cắt giảm thành phần hồ sơ là giấy chứng nhận đã cấp khi nộp hồ trực tuyến.
- *Lý do:* sử dụng kết quả tái cấu trúc theo Kế hoạch số 515/KH-BCA-BNN&MT ngày 31/8/2025 của Bộ Công an và Bộ Nông nghiệp và Môi trường về triển khai thực hiện chiến dịch làm giàu, làm sạch cơ sở dữ liệu quốc gia về đất đai.

8.2. Kiến nghị thực thi:

Sửa đổi thành phần hồ sơ khi nộp tuyến đối với thủ tục Xóa đăng ký thuê, cho thuê lại quyền sử dụng đất trong dự án xây dựng kinh doanh kết cấu hạ tầng. Mã TTHC 1.012766, quy định tại quyết định số 2304/QĐ-BNNMT ngày 29/06/2025.

8.3. Lợi ích phương án đơn giản hoá

*** Chi phí tuân thủ:**

- Chi phí tuân thủ TTHC trước khi đơn giản hóa 20.307.138.449 đồng/năm
- Chi phí tuân thủ TTHC sau khi đơn giản hóa: 14.647.771.996 đồng/năm.
- Chi phí tiết kiệm: 5.659.366.453 đồng/năm.
- Tỷ lệ cắt giảm chi phí: 27,8%.

*** Thời gian giải quyết TTHC:**

- Thời gian giải quyết TTHC trước khi đơn giản hóa: 07 ngày làm việc.
- Thời gian giải quyết TTHC sau khi đơn giản hóa: 05 ngày làm việc.
- Thời gian giải quyết TTHC tiết kiệm: 02 ngày làm việc.
- Tỷ lệ cắt giảm thời gian xử lý hồ sơ: 29%.

8.4. Lộ trình thực hiện: Năm 2026 - 2027.

9. Đăng ký biến động thay đổi quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất do chia, tách, hợp nhất, sáp nhập tổ chức hoặc chuyển đổi mô hình tổ chức, chuyển đổi loại hình doanh nghiệp theo quy định của pháp luật về doanh nghiệp; điều chỉnh quy hoạch xây dựng chi tiết; cấp Giấy chứng nhận cho từng thửa đất theo quy hoạch xây dựng chi tiết cho chủ đầu tư dự án có nhu cầu (Mã thủ tục: 1013977)

9.1. Nội dung đơn giản hoá:

- Cắt giảm thành phần hồ sơ là giấy chứng nhận đã cấp khi nộp hồ trực tuyến.

- Lý do: sử dụng kết quả tái cấu trúc theo Kế hoạch số 515/KH-BCA-BNN&MT ngày 31/8/2025 của Bộ Công an và Bộ Nông nghiệp và Môi trường về triển khai thực hiện chiến dịch làm giàu, làm sạch cơ sở dữ liệu quốc gia về đất đai.

9.2. Kiến nghị thực thi:

Sửa đổi thành phần hồ sơ khi nộp tuyến đối với thủ tục Xóa đăng ký thuê, cho thuê lại quyền sử dụng đất trong dự án xây dựng kinh doanh kết cấu hạ tầng. Mã TTHC 1.012766, quy định tại quyết định số 3380/QĐ-BNNMT ngày 25/8/2025.

9.3. Lợi ích phương án đơn giản hoá

*** Chi phí tuân thủ:**

- Chi phí tuân thủ TTHC trước khi đơn giản hóa 406.780.920 đồng/năm
- Chi phí tuân thủ TTHC sau khi đơn giản hóa: 397.741.344 đồng/năm.
- Chi phí tiết kiệm: 9.039.576 đồng/năm.
- Tỷ lệ cắt giảm chi phí: 2,2%.

9.4. Lộ trình thực hiện: Năm 2026 - 2027.

10. Đăng ký biến động đối với trường hợp thay đổi quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất theo thỏa thuận của các thành viên hộ gia đình hoặc của vợ và chồng; quyền sử dụng đất xây dựng công trình trên mặt đất phục vụ cho việc vận hành, khai thác sử dụng công trình ngầm, quyền sở hữu công trình ngầm; bán tài sản, điều chuyển, chuyển nhượng quyền sử dụng đất là tài sản công theo quy định của pháp luật về quản lý, sử dụng tài sản công; nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất theo kết quả giải quyết tranh chấp, khiếu nại, tố cáo về đất đai hoặc bản án, quyết định của Tòa án, quyết định thi hành án của cơ quan thi hành án đã được thi hành; quyết định hoặc phán quyết của Trọng tài thương mại Việt Nam về giải quyết tranh chấp giữa các bên phát sinh từ hoạt động thương mại liên quan đến đất đai; nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất do xử lý tài sản thế chấp là quyền sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất đã được đăng ký, bao gồm cả xử lý khoản

nợ có nguồn gốc từ khoản nợ xấu của tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài (Mã thủ tục: 1013980)

10.1. Nội dung đơn giản hoá:

- Cắt giảm Thời gian giải quyết TTHC: 05 ngày làm việc. Tỷ lệ cắt giảm thời gian: 33,3%

- Cắt giảm thành phần hồ sơ là giấy chứng nhận đã cấp khi nộp hồ trực tuyến.

- *Lý do:* sử dụng kết quả tái cấu trúc theo Kế hoạch số 515/KH-BCA-BNN&MT ngày 31/8/2025 của Bộ Công an và Bộ Nông nghiệp và Môi trường về triển khai thực hiện chiến dịch làm giàu, làm sạch cơ sở dữ liệu quốc gia về đất đai.

10.2. Kiến nghị thực thi:

Sửa đổi thành phần hồ sơ khi nộp tuyến đối với thủ tục Xóa đăng ký thuê, cho thuê lại quyền sử dụng đất trong dự án xây dựng kinh doanh kết cấu hạ tầng. Mã TTHC 1.012766, quy định tại quyết định số 3380/QĐ-BNNMT ngày 25/8/2025.

10.3. Lợi ích phương án đơn giản hoá

*** Chi phí tuân thủ:**

- Chi phí tuân thủ TTHC trước khi đơn giản hóa 27.118.728 đồng/năm
- Chi phí tuân thủ TTHC sau khi đơn giản hóa: 18.079.152 đồng/năm.
- Chi phí tiết kiệm: 9.039.576 đồng/năm.
- Tỷ lệ cắt giảm chi phí: 33,33%.

*** Thời gian giải quyết TTHC:**

- Thời gian giải quyết TTHC trước khi đơn giản hóa: 15 ngày làm việc.
- Thời gian giải quyết TTHC sau khi đơn giản hóa: 10 ngày làm việc.
- Thời gian giải quyết TTHC tiết kiệm: 05 ngày làm việc.
- Tỷ lệ cắt giảm thời gian xử lý hồ sơ: 33%.

10.4. Lộ trình thực hiện: Năm 2026 - 2027.

11. Đăng ký, cấp Giấy chứng nhận đối với trường hợp chuyển nhượng dự án đầu tư có sử dụng đất (Mã thủ tục: 1013994)

11.1. Nội dung đơn giản hoá:

- Cắt giảm thành phần hồ sơ là giấy chứng nhận đã cấp khi nộp hồ trực tuyến.

- *Lý do:* sử dụng kết quả tái cấu trúc theo Kế hoạch số 515/KH-BCA-BNN&MT ngày 31/8/2025 của Bộ Công an và Bộ Nông nghiệp và Môi trường về triển khai thực hiện chiến dịch làm giàu, làm sạch cơ sở dữ liệu quốc gia về đất đai.

11.2. Kiến nghị thực thi:

Sửa đổi thành phần hồ sơ khi nộp tuyển đối với thủ tục Xóa đăng ký thuê, cho thuê lại quyền sử dụng đất trong dự án xây dựng kinh doanh kết cấu hạ tầng. Mã TTHC 1.012766, quy định tại quyết định số 3380/QĐ-BNNMT ngày 25/8/2025.

11.3. Lợi ích phương án đơn giản hoá

*** Chi phí tuân thủ:**

- Chi phí tuân thủ TTHC trước khi đơn giản hóa 109.228.210 đồng/năm
- Chi phí tuân thủ TTHC sau khi đơn giản hóa: 106.107.404 đồng/năm.
- Chi phí tiết kiệm: 3.120.806 đồng/năm.
- Tỷ lệ cắt giảm chi phí: 2,8%.

11.4. Lộ trình thực hiện: Năm 2026 - 2027.

12. Đăng ký tài sản gắn liền với thửa đất đã được cấp Giấy chứng nhận hoặc đăng ký thay đổi về tài sản gắn liền với đất so với nội dung đã đăng ký, gia hạn thời hạn sở hữu nhà ở của tổ chức nước ngoài, cá nhân nước ngoài theo quy định của pháp luật về nhà ở nội dung đã đăng ký (Mã thủ tục: 1013995)

12.1. Nội dung đơn giản hoá:

- Cắt giảm Thời gian giải quyết TTHC: 02 ngày làm việc. Tỷ lệ cắt giảm thời gian: 20%
- Cắt giảm thành phần hồ sơ là giấy chứng nhận đã cấp khi nộp hồ trực tuyến.

- Lý do: sử dụng kết quả tái cấu trúc theo Kế hoạch số 515/KH-BCA-BNN&MT ngày 31/8/2025 của Bộ Công an và Bộ Nông nghiệp và Môi trường về triển khai thực hiện chiến dịch làm giàu, làm sạch cơ sở dữ liệu quốc gia về đất đai.

12.2. Kiến nghị thực thi:

Sửa đổi thành phần hồ sơ khi nộp tuyển đối với thủ tục Xóa đăng ký thuê, cho thuê lại quyền sử dụng đất trong dự án xây dựng kinh doanh kết cấu hạ tầng. Mã TTHC 1.012766, quy định tại quyết định số 3380/QĐ-BNNMT ngày 25/8/2025.

12.3. Lợi ích phương án đơn giản hoá

*** Chi phí tuân thủ:**

- Chi phí tuân thủ TTHC trước khi đơn giản hóa 2.176.277.922 đồng/năm
- Chi phí tuân thủ TTHC sau khi đơn giản hóa: 1.450.851.948 đồng/năm.
- Chi phí tiết kiệm: 725.425.974 đồng/năm.
- Tỷ lệ cắt giảm chi phí: 33,33%.

*** Thời gian giải quyết TTHC:**

- Thời gian giải quyết TTHC trước khi đơn giản hóa: 10 ngày làm việc.
- Thời gian giải quyết TTHC sau khi đơn giản hóa: 08 ngày làm việc.
- Thời gian giải quyết TTHC tiết kiệm: 02 ngày làm việc.
- Tỷ lệ cắt giảm thời gian xử lý hồ sơ: 20%.

12.4. Lộ trình thực hiện: Năm 2026 - 2027.

13. Xác nhận tiếp tục sử dụng đất nông nghiệp (Mã thủ tục: 1013947)

13.1. Nội dung đơn giản hoá:

- Cắt giảm Thời gian giải quyết TTHC: 02 ngày làm việc. Tỷ lệ cắt giảm thời gian: 29%
- Cắt giảm thành phần hồ sơ là giấy chứng nhận đã cấp khi nộp hồ trực tuyến.

- *Lý do:* sử dụng kết quả tái cấu trúc theo Kế hoạch số 515/KH-BCA-BNN&MT ngày 31/8/2025 của Bộ Công an và Bộ Nông nghiệp và Môi trường về triển khai thực hiện chiến dịch làm giàu, làm sạch cơ sở dữ liệu quốc gia về đất đai.

13.2. Kiến nghị thực thi:

Sửa đổi thành phần hồ sơ khi nộp tuyển đối với thủ tục Xóa đăng ký thuê, cho thuê lại quyền sử dụng đất trong dự án xây dựng kinh doanh kết cấu hạ tầng. Mã TTHC 1.012766, quy định tại quyết định số 2304/QĐ-BNNMT ngày 29/6/2025.

13.3. Lợi ích phương án đơn giản hoá

*** Chi phí tuân thủ:**

- Chi phí tuân thủ TTHC trước khi đơn giản hóa 1.633.580.520 đồng/năm
- Chi phí tuân thủ TTHC sau khi đơn giản hóa: 1.170.732.706 đồng/năm.
- Chi phí tiết kiệm: 462.847.814 đồng/năm.
- Tỷ lệ cắt giảm chi phí: 28,33%.

*** Thời gian giải quyết TTHC:**

- Thời gian giải quyết TTHC trước khi đơn giản hóa: 09 ngày làm việc.
- Thời gian giải quyết TTHC sau khi đơn giản hóa: 07 ngày làm việc.
- Thời gian giải quyết TTHC tiết kiệm: 02 ngày làm việc.
- Tỷ lệ cắt giảm thời gian xử lý hồ sơ: 29%.

13.4. Lộ trình thực hiện: Năm 2026 - 2027.